

### Phẩm 76: CÁC ĐỨC TƯỚNG (1)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bach Thế Tôn, nếu tất cả pháp đều như mộng, như tiếng vang, như bóng dáng, như ảnh, như quang năng, như huyễn hóa, hoàn toàn không có thật, lấy không tánh làm tánh, tự tướng là không thì vì sao có thể đặt ra là thiện, là ác, là hữu ký, là vô ký, là hữu lậu, là vô lậu, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu vi, là vô vi như vậy cho đến là quả Dự lưu, là pháp có thể chứng đắc quả Dự lưu, là quả Nhất lai, là pháp có thể chứng đắc quả Nhất lai, là quả Bất hoàn, là pháp có thể chứng đắc Bất hoàn, là quả A-la-hán, là pháp có thể chứng đắc quả A-la-hán, là Độc giác Bồ-đề, là pháp có thể chứng đắc Độc giác Bồ-đề, là các địa của Đại Bồ-tát, là pháp có thể chứng đắc các địa của Đại Bồ-tát, là quả vị Giác ngộ cao tột của Phật, là pháp có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột của Phật vậy?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, kẻ phàm phu ngu si thiếu học ở thế gian đối với mộng thì nắm bắt mộng và nắm bắt người thấy mộng, như vậy cho đến đối với huyễn hóa thì nắm bắt huyễn hóa và nắm bắt người thấy huyễn hóa. Sau khi nắm bắt cho đến nắm bắt huyễn hóa, kẻ phàm phu ngu si kém hiểu biết này điên đảo chấp trước hoặc tạo hạnh bất thiện nơi thân, miệng, ý, hoặc tạo hạnh lành nơi thân, miệng, ý, hoặc tạo hạnh vô ký nơi thân, miệng, ý, hoặc tạo hạnh không phước đức nơi thân, miệng, ý hoặc tạo hạnh phước đức nơi thân, miệng, ý, hoặc tạo hạnh bất cộng nơi thân, miệng, ý. Do các hạnh đó nên họ qua lại trong đường sinh tử, luân chuyển không ngừng.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng hai pháp không để quán sát các pháp. Hai pháp không đó là: Pháp không rốt ráo và pháp không không giới hạn. An trụ trong hai pháp không này, Đại Bồ-tát ấy giảng nói chánh pháp cho các hữu tình. Vị ấy giảng rằng: Các ông nên biết, sắc là không, xa lìa ngã và ngã sở; thọ, tưởng, hành, thức là không, xa lìa ngã và ngã sở; nhãn xứ là không, xa lìa ngã và ngã sở, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, xứ là không, xa lìa ngã và ngã sở; sắc xứ là không, xa lìa ngã và ngã sở, thanh, hương, vị, xúc, pháp, xứ là không, xa lìa ngã và ngã sở; nhãn giới là

không, xa lìa ngã và ngã sở, nhĩ, tử, thiết, thân, ý giới là không, xa lìa ngã và ngã sở; sắc giới là không, xa lìa ngã và ngã sở, thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là không, xa lìa ngã và ngã sở; nhãn thức giới là không, xa lìa ngã và ngã sở, nhĩ, tử, thiết, thân, ý thức giới là không, xa lìa ngã và ngã sở; nhãn xúc là không, xa lìa ngã và ngã sở, nhĩ, tử, thiết, thân, ý xúc là không, xa lìa ngã và ngã sở; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không, xa lìa ngã và ngã sở, các thọ do nhĩ, tử, thiết, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là không, xa lìa ngã và ngã sở; địa giới là không, xa lìa ngã và ngã sở, thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không, xa lìa ngã và ngã sở; nhân duyên là không, xa lìa ngã và ngã sở, đẳng vô gián duyên là không, xa lìa ngã và ngã sở; sở duyên duyên là không, xa lìa ngã và ngã sở, tăng thượng duyên là không, xa lìa ngã và ngã sở; các pháp do duyên sinh ra là không, xa lìa ngã và ngã sở; vô minh là không, xa lìa ngã và ngã sở; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp lành là không, xa lìa ngã và ngã sở, pháp ác là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp hữu ký là không, xa lìa ngã và ngã sở, pháp vô ký là không, xa lìa ngã và ngã sở, pháp hữu lậu là không, xa lìa ngã và ngã sở, pháp vô lậu là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp thế gian là không, xa lìa ngã và ngã sở, pháp xuất thế gian là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp hữu vi là không, xa lìa ngã và ngã sở, pháp vô vi là không, xa lìa ngã và ngã sở; Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh là không, xa lìa ngã và ngã sở; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không, xa lìa ngã và ngã sở; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo là không, xa lìa ngã và ngã sở; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện là không, xa lìa ngã và ngã sở; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không, xa lìa ngã và ngã sở; tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ là không, xa lìa ngã và ngã sở; bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai là không, xa lìa ngã và ngã sở; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân là không, xa lìa ngã và ngã sở; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không, xa lìa ngã và ngã sở; năm loại mắt, sáu phép thần thông là

không, xa lìa ngã và ngã sở; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không, xa lìa ngã và ngã sở; ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ là không, xa lìa ngã và ngã sở; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả là không, xa lìa ngã và ngã sở; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không, xa lìa ngã và ngã sở; quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề là không, xa lìa ngã và ngã sở; tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát là không, xa lìa ngã và ngã sở; quả vị Giác ngộ cao tột của Phật là không, xa lìa ngã và ngã sở.

Vị ấy, lại nói rằng, các ông nên biết, sắc như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh, thọ, tưởng, hành, thức như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nhãn xứ như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; sắc xứ như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nhãn giới như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; sắc giới như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh, thanh, hương, vị, xúc, pháp giới như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nhãn thức giới như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nhãn xúc như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; địa giới như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; nhân duyên như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; các pháp do nhân duyên sinh ra như mộng cho đến

như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; vô minh như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp lành như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp ác như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp hữu ký như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh, pháp vô ký như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp hữu lậu như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh, pháp vô lậu như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp thế gian như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh, pháp xuất thế gian như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp hữu vi như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh, pháp vô vi như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; năm loại mắt, sáu phép thần thông như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự

tánh; ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật như mộng cho đến như huyễn hóa hoàn toàn không tự tánh.

Vị ấy lại nói rằng, các ông nên biết, ở trong pháp không đó không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không nhãn xứ cho đến ý xứ; không sắc xứ cho đến pháp xứ; không nhãn giới cho đến ý giới; không nhãn xúc cho đến ý xúc; không có các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; không địa giới cho đến thức giới; không nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; không có các pháp do nhân duyên sinh ra; không vô minh cho đến lão tử; không có pháp thiện ác; không có pháp hữu ký, vô ký; không có pháp hữu lậu, vô lậu; không có pháp thế gian, xuất thế gian; không có pháp hữu vi, vô vi, không có Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; không có pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; không có chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; không có Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không có bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; không có pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; không có bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; không có tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; không có bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; không có bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; không có tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; không có năm loại mắt, sáu phép thần thông; không có mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; không có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; không có pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; không có trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; không có quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; không có các hạnh của Đại Bồ-tát; không có quả vị Giác ngộ cao tột; không có có mộng và

người thấy mộng, không có tiếng vang và người nghe tiếng vang, không có ảnh và người thấy ảnh, không có ánh chớp và người thấy ánh chớp, không có quang năng và người thấy quang năng, không có huyễn và người thấy huyễn, không có hóa và người thấy hóa.

Vị ấy lại nói rằng, các ông nên biết, tất cả pháp này đều không thật có, lấy không tánh làm tánh. Do phân biệt hư dối nên các ông phát sinh ý tưởng có uẩn ở nơi không có uẩn, phát sinh ý tưởng có nơi chốn ở chỗ không nơi chốn, sinh ý tưởng có cảnh giới ở nơi không cảnh giới, sinh ý tưởng có xúc chạm ở nơi không xúc chạm, sinh ý tưởng có thọ nhận ở nơi không có thọ nhận.

Vị ấy lại nói rằng, các ông nên biết, tánh của tất cả pháp như uẩn, xứ, giới... đều do duyên sinh ra, do điên đảo phát sinh, được nghiệp dị thực nắm giữ. Vì sao các ông phát sinh ý tưởng có ở nơi pháp hư dối không thật có?

Khi ấy, Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo đầy đủ đại thần lực, các hữu tình nào có tham lam, keo kiệt thì vị ấy tìm cách cứu vớt giúp họ lìa bỏ tham lam keo kiệt. Sau khi các hữu tình đã lìa bỏ xan tham rồi, vị ấy dạy họ tu Bồ thí ba-la-mật-đa. Nhờ bồ thí nên các hữu tình được giàu sang tự tại có nhiều cửa cải và địa vị cao. Từ vị trí đó Bồ-tát lại tiếp tục phương tiện cứu giúp, dạy họ tu Tịnh giới ba-la-mật-đa. Nhờ tịnh giới nên các hữu tình được sinh đường lành được địa vị cao sang tự tại. Từ vị trí đó Bồ-tát lại tiếp tục cứu giúp dạy họ tu An nhẫn ba-la-mật-đa. Nhờ an nhẫn các hữu tình này sớm có thể đạt được Vô sinh pháp nhẫn. Từ vị trí đó Bồ-tát lại tiếp tục phương tiện cứu giúp họ dạy họ tu Tinh tấn ba-la-mật-đa. Nhờ tinh tấn nên cho đến khi đạt, quả vị Giác ngộ cao tột, các hữu tình này không bị thoái chuyển trở lại đối với các pháp lành. Từ vị trí đó Bồ-tát lại tiếp tục tìm cách cứu giúp, dạy họ tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Nhờ tĩnh lự nên các hữu tình này được sinh cõi trời Phạm thiên, an trú tự tại đối với Sơ tĩnh lự. Từ Sơ tĩnh lự, Bồ-tát tìm cách giúp làm cho họ an trú vào Tĩnh lự thứ hai. Tuần tự như vậy, Bồ-tát tìm cách cứu giúp làm họ an trú cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Từ vị trí này, vị ấy lại tìm cách giúp làm cho họ an trú vào ba thừa tùy theo căn cơ của họ, hoặc giúp trụ vào bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc giúp trụ vào ba pháp môn giải thoát; hoặc giúp trụ

vào tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; hoặc giúp trụ vào bốn Thánh đế; hoặc giúp trụ vào sáu pháp Ba-la-mật-đa; hoặc giúp trụ vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc giúp trụ vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc giúp trụ vào bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; hoặc giúp trụ vào tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc giúp trụ vào năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc giúp trụ vào mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc giúp trụ vào pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc giúp trụ vào trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, Đại Bồ-tát này có phương tiện thiện xảo, nếu các hữu tình tham đắm quả báo hữu vi của Bồ thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã và pháp lành khác thì vị ấy dùng các phương tiện an ủi cứu giúp làm cho họ trụ vào cảnh giới Vô dư Niết-bàn. Đại Bồ-tát thực hành phương tiện thiện xảo Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thành tựu pháp vô sắc, vô kiến, vô đối chân thật, vô lậu và an trụ trong đó. Các hữu tình nào cần được quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề hoặc là quả vị Giác ngộ cao tốt thì vị ấy thị hiện dạy dỗ, khích lệ, vui vẻ tìm cách cứu giúp làm cho họ chứng đắc quả Dự lưu cho đến chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tốt.

Thế nên Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, quan sát hai pháp không, tuy biết các pháp đều như mộng cho đến như biến hóa đều chẳng có thật, lấy không tánh làm tánh, tự tướng đều không nhưng vị ấy có thể an lập pháp thiện, ác, nói rộng cho đến có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tốt của Phật hoàn toàn không tạp loạn.



## KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 469

### Phẩm 76: CÁC ĐỨC TƯỚNG (2)

Bấy giờ, Cù thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát thật là hy hữu, thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, quán sát hai pháp không, tuy biết tất cả các pháp như mộng, như tiếng vang, như bóng dáng, như ảnh, như quang năng, như huyễn, như biến hóa, đều chẳng thật có, lấy không tánh làm tánh tự tướng đều không nhưng vị ấy có thể an lập các pháp thiện ác khác nhau hoàn toàn không lẫn lộn.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! các Đại Bồ-tát thật là hy hữu, thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa quán sát hai pháp không, tuy biết các pháp đều như mộng, đều không thật có, lấy không tánh làm tánh, tự tướng đều không nhưng có thể an lập các pháp thiện ác khác nhau không hề lẫn lộn.

Các ông nên biết, các pháp kỳ lạ hy hữu mà các Đại Bồ-tát có được khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, là pháp mà Thanh văn, Độc giác đều không thành tựu, không thể đo lường. Đối với tài biện bác của các Đại Bồ-tát, tất cả Thanh văn, Độc giác các ông còn không thể đối đáp huống là các hữu tình khác mà có thể đối đáp sao.

Cù thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, những gì là pháp kỳ lạ hy hữu mà các Đại Bồ-tát có được khi thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, là pháp mà Thanh văn, Độc giác đều không thành tựu không thể so lường?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, hãy lắng nghe cho kỹ, hãy lắng nghe cho kỹ, rồi ghi nhớ điều này, Ta sẽ giảng nói phân biệt cho ông nghe về pháp kỳ lạ, hy hữu mà các Đại Bồ-tát có được lúc thực hành Bát-nhã ba-



la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát an trú vào kết quả Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc năm Thần thông, hoặc ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, hoặc Đà-la-ni, hoặc Tam-ma-địa, hoặc pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, hoặc bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, hoặc vô lượng, vô biên Phật pháp khác. Nếu các hữu tình ở khắp mười phương thế giới cần dùng Bồ thí cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa để hộ trì họ; người cần dùng Sơ tĩnh lự cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ để hộ trì, vị ấy dùng Sơ tĩnh lự cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ để hộ trì họ; người cần dùng Từ, Bi, Hỷ, Xả để hộ trì, vị ấy liền dùng Từ, Bi, Hỷ, Xả hộ trì họ; người cần dùng bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo để hộ trì, vị ấy liền dùng bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo hộ trì họ; người cần dùng Tam-ma-địa Không, Vô tướng, Vô nguyện để hộ trì, vị ấy liền dùng Tam-ma-địa Không, Vô tướng, Vô nguyện hộ trì họ; người cần dùng các thiện pháp khác để hộ trì, vị ấy liền dùng các thiện pháp khác hộ trì họ.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát an trú vào kết quả của vô lượng công đức như pháp Ba-la-mật-đa, năm Thần thông... dùng bố thí để hộ trì các hữu tình như thế nào?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát bố thí cho các hữu tình những vật họ cần dùng, nghĩa là người cần đồ ăn uống thì bố thí cho đồ ăn uống, người cần y phục thì thí cho y phục, người cần xe cộ thì bố thí cho xe cộ, người cần hoa hương thì thí cho hoa hương, người cần ngọ cụ thì thí cho ngọ cụ, người cần nhà cửa thì thí cho nhà cửa, người cần đèn sáng thì thí cho đèn sáng, người cần thuốc men thì thí cho thuốc men, người cần đồ vật khác thì đều thí cho không thể thiếu thốn; hoặc cúng dường cho Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, chư Phật Thế Tôn các thứ y phục đồ ăn uống, ngọ cụ, thuốc men, nhà cửa, đồ đạc, các loại hương hoa vi

diệu, cờ lọng báu, âm nhạc, đèn sáng và các phẩm vật khác như váng sữa, dầu... Lúc cúng dường bố thí như vậy, Bồ-tát giữ tâm bình đẳng, không có ý tưởng sai khác để thực hành bố thí, bình đẳng bố thí cho người phạm giới và người giữ giới, bình đẳng bố thí cho người hoặc phi nhân, bình đẳng bố thí cho nội đạo, ngoại đạo, bình đẳng bố thí cho bậc Thánh và phàm phu, bình đẳng bố thí cho người cao sang và kẻ hạ tiện. Từ chư Phật cho đến súc sinh, vị ấy đều bố thí một cách bình đẳng, không có phân biệt, không quán sát sự hơn kém khác nhau của các ruộng phước. Vì sao vậy? Vì các Đại Bồ-tát thông suốt tự tướng của tất cả pháp đều không, trong pháp không hoàn toàn không có sự cao thấp khác nhau nên vị ấy không có ý tưởng khác, không có phân biệt khi thực hành bố thí. Do không có ý tưởng khác và không có phân biệt khi thực hành bố thí nên Đại Bồ-tát này sẽ chứng đắc pháp không khác, không phân biệt, nghĩa là được viên mãn trí Nhất thiết và vô lượng công đức khác của chư Phật.

Thiện Hiện nên biết, nếu Đại Bồ-tát thấy các loài như bàng sinh... có cầu xin điều gì liền nghĩ rằng: “Người đến xin này nếu là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là ruộng phước chân chánh thì ta nên cúng dường vị ấy, nếu chẳng phải Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà là bàng sinh chẳng phải ruộng phước thì ta nên không bố thí cho chúng những vật cần dùng.” Đại Bồ-tát nào nghĩ như vậy thì vượt ngoài pháp Bồ-tát. Vì sao vậy? Các Đại Bồ-tát cần phải có tâm thanh tịnh thì ruộng phước mới thanh tịnh, thấy người cầu xin thì không nên nghĩ rằng: “Hữu tình này có cầu vật gì thì ta nên bố thí còn hữu tình kia có cầu vật gì thì ta không nên bố thí.” Bồ-tát nào nghĩ như vậy là trái với tâm Bồ-đề rộng lớn đã được phát sinh trước đây, nghĩa là các Bồ-tát phát tâm Bồ-đề như sau: “Vì các hữu tình nên ta làm chỗ nương tựa, cồn đảo, nhà cửa, nơi cứu giúp.” Thấy người đến xin, Bồ-tát phải nghĩ rằng: “Nay hữu tình này nghèo thiếu cô đơn, ta phải dùng việc bố thí để bảo bọc họ.” Nhờ đó người kia không trộm cắp đồ vật của người khác, ít muốn, biết đủ và có thể bố thí trở lại cho người khác. Nhờ vậy họ có thể lìa bỏ việc giết hại sinh mạng nói rộng ra cho đến có thể lìa bỏ việc nói lời thô tục cũng có thể điều phục tham sân, tà kiến. Sau khi chết nương theo phước nghiệp đời trước họ sinh vào các dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-

môn, Trưởng giả, hoặc cử sĩ hoặc gia đình giàu sang khác, đầy đủ của cải tu các nghiệp lành, hoặc nhờ được sự bố thí hộ trì nên vị ấy dựa vào ba thừa mà tuần tự tiến đến nơi viên tịch, nghĩa là giúp họ chứng đắc Thanh văn, Độc giác và cảnh giới Vô thượng thừa Bát-niết-bàn.

Lại nữa Thiện Hiện, Đại Bồ-tát nào bị các kẻ thù hoặc các hữu tình khác đến chỗ vị ấy để làm hại, hoặc có người nghèo thiếu đến xin các bộ phận nơi thân và các thứ của cải, Đại Bồ-tát này không nên sinh tâm phân biệt sai khác là nên bố thí vật này, không nên bố thí cho vật nọ, chỉ nên phát sinh tâm bình đẳng, tùy theo họ cầu xin thân thể hay của cải đều bố thí cho họ. Vì sao vậy? Để làm lợi ích các hữu tình, nên Đại Bồ-tát này cầu chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tốt chớ chẳng phải vì lợi lạc thân mạng mình. Ai phát sinh tâm phân biệt sai khác là nên bố thí vật này không nên bố thí vật nọ liền bị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, các Bồ-tát, Độc giác, Thanh văn, thế gian, Trời, Người, A-tố-lạc và các Thánh hiền cùng nhau quở trách rằng: “Ai mời thỉnh ông phát tâm Bồ-đề, thế lợi lạc khắp các loài hữu tình, làm nơi nương tựa cho người không nơi nương tựa, làm nhà cửa cho người không nhà cửa, làm cồn đảo cho người không có cồn đảo, cứu giúp người không ai cứu giúp, tạo an vui cho người không được an vui mà nay phân biệt bố thí vật này không bố thí vật kia.”

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nếu có người hoặc phi nhân đến chỗ vị ấy cầu xin các loại tay, chân, tủy, não, Đại Bồ-tát này không nên phát sinh hay tâm phân biệt là bố thí và không bố thí mà chỉ nghĩ rằng: “Tùy theo người kia xin gì ta đều bố thí cho.” Vì sao vậy? Đại Bồ-tát này thường nghĩ rằng: “Vì lợi ích cho hữu tình nên ta thọ nhận thân này, nếu có ai đến cầu xin thì ta nhất định bố thí cho, không được không bố thí.” Thấy người đến xin Bồ-tát liền nghĩ rằng: “Ta vốn nhận thân này là vì người khác, người kia không đến lấy ta còn phải tự cho hưởng gì họ đến xin mà ta không cho sao?” Nghĩ xong người ấy vui mừng tột độ, tự cắt tay chân mà đưa cho người kia. Vị ấy lại tự vui mừng mà nói: “Nay ta đạt được lợi ích lớn là bỏ thân dơ bẩn, được thân trong sạch.”

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nên học như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát thấy người cầu xin liền nghĩ rằng: “Ồ trong đây, ai bố thí, ai nhận, vật bố thí là gì, do đâu mà bố thí, vì ai mà thí, vì sao mà thí, tự tánh các pháp đều chẳng thể nắm bắt được.” Trong pháp không chẳng có các việc như cho, chiếm đoạt, bố thí, nhận.

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát nên học các pháp đều không như vậy, nghĩa là hoặc do pháp không bên trong nên rộng không cho đến hoặc do pháp không không tánh tự tánh nên rộng không.

Đại Bồ-tát này an trú vào pháp không để thực hành bố thí, thường không gián đoạn việc viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa. Do việc Bố thí ba-la-mật-đa này được viên mãn nên khi bị người khác cắt chặt, cướp đoạt tất cả các vật bên trong và bên ngoài tâm vị ấy hoàn toàn không phân biệt, sân hận, chỉ nghĩ rằng: “Hữu tình và pháp, tất cả đều không, ai cắt chặt ta, ai cướp đoạt ta, ai nhận lấy, ai quán sát.”

Lại nữa Thiện Hiện, Ta dùng Phật nhãn quán khắp hằng hà sa số thế giới ở mười phương thấy có Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc cho các loài hữu tình nên nguyện nhập vào địa ngục, thấy các hữu tình chịu các nỗi khổ kịch liệt. Sau khi thấy vậy, vị ấy phát sinh ba cách giáo hóa. Những gì là ba? Một là giáo hóa bằng thần biến, hai là giáo hóa bằng cách ký thuyết, ba là giáo hóa bằng cách giáo giới.

Đại Bồ-tát dùng thần biến giáo hóa bằng cách diệt trừ các thứ gây khổ trong địa ngục như nước sôi, lửa, dao. Dùng ký thuyết dạy đạo bằng cách thăm dò tùy theo tâm niệm của các hữu tình ấy mà thuyết pháp cho họ. Dùng giáo giới dạy đạo bằng cách phát sinh Từ, Bi, Hỷ, Xả đối với họ để thuyết pháp, làm cho các loài hữu tình ở trong địa ngục ấy phát sinh lòng tin chân chánh đối với Bồ-tát. Do nhân duyên này, từ địa ngục ra, họ được sinh lên trời, hoặc sinh làm người, tuần tự nương theo ba thừa để dứt sạch bờ mé khổ, chứng minh cảnh giới Niết-bàn hoàn toàn an lạc.

Lại nữa Thiện Hiện, Ta dùng Phật nhãn quán sát khắp hằng hà sa số thế giới ở mười phương thấy có Đại Bồ-tát phụng sự cúng

đường chư Phật Thế Tôn, lúc thừa sự cúng dường chư Phật Thế Tôn các Đại Bồ-tát rất vui mừng và ưa thích, cung kính, chẳng khi nào không vui mừng, ưa thích cung kính. Đối với chánh pháp mà các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã nói, vị ấy cung kính lắng nghe, thọ trì, đọc tụng cho đến khi đạt quả vị Giác ngộ cao tột trọn không quên mất. Vị ấy đem pháp đã được nghe giảng nói một cách đúng đắn cho các hữu tình giúp họ thu được an lạc lợi ích thù thắng.

Lại nữa Thiện Hiện, Ta dùng Phật nhãn quán sát khắp hằng hà sa số thế giới ở mười phương thấy có Đại Bồ-tát vì muốn lợi ích các loài hữu tình trong đường súc sinh nên vị ấy tự xả bỏ thân mạng. Đại Bồ-tát này thấy các súc sinh bị lửa đốt bức bách và muốn giết hại nhau nên vị ấy phát sinh lòng thương xót tự cắt các bộ phận của thân, chặt đứt xương cốt, rải khắp mười phương cho chúng tự ý ăn nuốt. Các loài súc sinh được ăn thịt trên thân của Đại Bồ-tát này đều rất kính yêu và hổ thẹn đối với Đại Bồ-tát. Do nhân duyên này, chúng thoát khỏi đường súc sinh và được sinh lên trời hoặc sinh làm người, được gặp Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, nghe giảng chánh pháp, tu hành đúng đắn, tuân tự nương theo ba thừa mà đến nơi viên tịch nghĩa là tùy theo đó mà chứng nhập cảnh giới Niết-bàn, Đại thừa vô thượng, hoặc Độc giác, hoặc Thanh văn.

Thế nên Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát có thể vì thế gian mà làm các việc khó làm, tạo nhiều lợi ích, đó là để lợi lạc các hữu tình vị ấy tự phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, cũng làm cho người khác phát tâm ấy, tự thực hành các loại chánh hạnh như thật, cũng làm cho người khác thực hành.

Lại nữa Thiện Hiện, Ta dùng Phật nhãn quán sát khắp hằng hà sa số thế giới ở mười phương thấy có Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc cho các loài hữu tình trong đường ngạ quỷ nên nguyện đến cõi ấy tìm cách dứt trừ nỗi khổ đói khát làm cho các ngạ quỷ đã được dứt hết các nỗi khổ sinh tâm kính yêu hổ thẹn đối với Đại Bồ-tát này. Bồ-tát lại giảng nói pháp yếu lìa tâm bồn sấn cho họ nghe, nghe xong họ sinh tâm bố thí. Nhờ căn lành này, họ được thoát khỏi đường ngạ quỷ, được sinh làm trời, người, được gặp Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cúng dường, cung kính nghe giảng chánh pháp, tuân tự tu tập chánh hạnh thuộc ba thừa cho đến khi chứng nhập cảnh giới

Niết-bàn, Đại thừa vô thượng, hoặc Độc giác, Thanh văn.

Thế nên Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát an trú vào Đại Bi đối với loài hữu tình, phát sinh vô số phương tiện thiện xảo giúp họ chứng đắc Niết-bàn ba thừa.

Lại nữa Thiện Hiện, Ta dùng Phật nhãn quán sát khắp hằng hà sa số thế giới ở mười phương thấy có Đại Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo giảng nói chánh pháp cho chư Thiên trời Tứ Thiên vương cho đến chư Thiên trời Tha hóa tự tại. Sau khi nghe Bồ-tát giảng chánh pháp, chư Thiên ấy tuân tự dựa vào ba thừa siêng tu chánh hạnh và chứng nhập cảnh giới Niết-bàn tùy theo căn cơ.

Thiện Hiện nên biết, trong Thiên chúng kia có các Thiên tử tham đắm năm loại dục lạc vi diệu của cõi trời và các cung điện báu mà họ ở. Đại Bồ-tát này thị hiện phát lửa thiêu đốt cung điện của họ làm cho họ sinh nhàm chán sợ hãi. Nhân đó, Bồ-tát giảng nói cho họ nghe pháp sau: “Các Thiên tử, hãy quán sát kỹ các hành vô thường, khổ, không, vô ngã, không đáng tin cậy, người trí không có say đắm pháp này.” Nghe pháp âm này, các Thiên tử rất chán và sợ năm dục vi diệu, tự quán thân mạng giả dối vô thường giống như thân cây chuối, ánh chớp, quang nắng, quán các cung điện giống như lao ngục. Sau khi quán như vậy họ tuân tự nương vào ba thừa siêng tu chánh hạnh và đạt được viên tịch, nghĩa là tuân tự chứng nhập Niết-bàn thuộc ba thừa.

Lại nữa Thiện Hiện, Ta dùng Phật nhãn quán sát khắp hằng hà sa số thế giới ở mười phương thấy có Đại Bồ-tát thấy các vị Phạm thiên chấp trước vào cảnh giới của sự thấy biết, nên dùng phương tiện dạy họ nhàm chán xả bỏ. Bồ-tát dạy rằng: “Ở trong các hành trống không, không có tướng, hư dối, không thật, vì sao chư Thiên các ông lại phát sinh các kiến thủ ác như vậy? Hãy mau xả bỏ nó và tin nhận chánh pháp. Để giúp các ông được an lạc lợi ích lâu dài.”

Thế nên Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát an trú Đại Bi giảng nói pháp yếu cho các hữu tình. Thiện Hiện, đó là pháp kỳ lạ hy hữu mà các Đại Bồ-tát có được.

Lại nữa Thiện Hiện, Ta dùng Phật nhãn thanh tịnh không chướng ngại quán khắp hằng hà sa số thế giới ở mười phương thấy

có Đại Bồ-tát dùng bốn Nhiếp sự để cứu giúp các hữu tình. Những gì là bốn? Một là Bố thí, hai là Ái ngữ, ba là Lợi hành, bốn là Đồng sự.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát dùng bố thí để cứu giúp các hữu tình như thế nào?

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát dùng hai cách bố thí để cứu giúp các hữu tình. Hai cách thí đó là tài thí và pháp thí.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát dùng tài thí để cứu giúp các hữu tình như thế nào?

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa các Đại Bồ-tát có thể đem loại đồ ăn, uống, y phục, nhà ở, ngọa cụ, xe cộ, đèn sáng, âm nhạc, hương hoa, cờ lọng báu, anh lạc... bố thí cho các hữu tình hoặc đem vàng bạc, châu báu, phệ-lưu-ly, báu phẩm-chi-ca, ngọc bích, kha bối, đế thanh, đại thanh, mặt-ni trên châu, báu thạch tàng, xử tàng, hoa sen hồng... bố thí cho các hữu tình; hoặc đem vợ, con trai, con gái, tôi tớ lớn nhỏ, người hầu, voi ngựa, trâu, dê và thang thuốc bố thí cho các hữu tình, hoặc đem các loại của báu, kho tàng, thành ấp, xóm làng, ngôi vua bố thí cho các hữu tình; hoặc đem các bộ phận trên thân như tay chân, xương cốt, đầu mắt, tủy não, bố thí cho các hữu tình. Đại Bồ-tát này đem các loại đồ vật để ở ngã tư đường, rồi lên đài cao xưng lên như vậy: “Tất cả hữu tình có cần vật gì thì cứ đến lấy đừng sinh nghi ngờ, hãy lấy như lấy vật của mình đừng có tưởng là lấy vật của người khác cho đến thân ta, tay, chân, xương cốt, đầu mắt, tủy não, ai có cần gì thì cứ ý lấy, đối với các ông ta không có tiếc rẻ.”

Sau khi bố thí cho các hữu tình những vật cần dùng rồi, Đại Bồ-tát này lại khuyến khích họ quy y Phật, Pháp, Tăng; hoặc khuyến khích họ thọ trì năm giới cận sự, hoặc khuyến khích thọ trí tám giới cận trụ; hoặc khuyến thọ nghiệp Thập thiện; hoặc khuyến khích tu học Tĩnh lự thứ nhất cho đến Tĩnh lự thứ tư; hoặc khuyến khích tu học Từ vô lượng cho đến Xả vô lượng; hoặc khuyến khích tu học định Không vô biên xứ cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; hoặc khuyến khích tu học tùy niệm về Phật cho đến tùy niệm về Thiên; hoặc khuyên tu học quán bất tịnh, quán hơi thở; hoặc khuyên tu học tưởng vô thường cho đến tưởng diệt; hoặc khuyên tu học bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc khuyên tu học pháp môn giải

thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; hoặc khuyên tu học tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; hoặc khuyên tu học Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc khuyên an trú vào pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc khuyên an trú vào chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc khuyên an trú vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc khuyên tu học vào bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; hoặc khuyên tu học bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; hoặc khuyên tu học năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc khuyên tu học mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc khuyên tu học ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; hoặc khuyên tu học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc khuyên tu học trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc khuyên tu học quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; hoặc khuyên tu học tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; hoặc khuyên tu học quả vị Giác ngộ cao tột của Phật.

Thế nên Thiện Hiện, sau khi thực hành phương tiện thiện xảo Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, bố thí của cải cho các hữu tình, các Đại Bồ-tát lại khéo an lập các loài hữu tình, giúp họ trụ trong pháp Vô thượng an ổn cho đến giúp họ chứng đắc trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện, đó là pháp kỳ lạ hy hữu mà Đại Bồ-tát có được lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng pháp thí cứu giúp các hữu tình như thế nào?

Thiện Hiện, pháp thí có hai loại. Đó là pháp thí thế gian và pháp thí xuất thế gian. Thế nào là pháp thí thế gian? Đó là lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát giảng nói, khai thị, phân biệt rõ ràng cho các hữu tình nghe về pháp vi diệu của thế gian, như là quán bất tịnh, đếm hơi thở, hoặc bốn Tĩnh lự, hoặc bốn Vô lượng, hoặc bốn Định vô sắc, hoặc năm Thần thông hoặc các pháp thế gian và phàm phu. Như vậy gọi là pháp thí của thế gian.

Thiện Hiện, vì sao pháp này được gọi là pháp thí thế gian? Bởi vì học pháp này thì chưa thể hoàn toàn lìa thế gian nên gọi là thế gian.

Thiện Hiện, sau khi thực hành pháp vi diệu của thế gian, Đại Bồ-tát này lại tìm đủ cách dạy dỗ các hữu tình giúp họ xa lìa các



pháp thế gian, dùng mọi phương tiện dạy dỗ hữu tình giúp họ trụ ở Thánh pháp và kết quả của Thánh pháp.

Thiện Hiện, thế nào là Thánh pháp và kết quả của Thánh pháp? Thiện Hiện, Thánh pháp là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề và ba pháp môn giải thoát. Kết quả của Thánh pháp là quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề.

Thiện Hiện, vì sao pháp này được gọi là xuất thế? Bởi vì học pháp này có thể hoàn toàn ra khỏi thế gian nên gọi là xuất thế.

Lại nữa Thiện Hiện, Thánh pháp của các Đại Bồ-tát là sáu pháp Ba-la-mật-đa, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, các địa của Đại Bồ-tát, năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng... các pháp vô lậu. Kết quả của Thánh pháp là cảnh giới đại Niết-bàn quả vị Giác ngộ cao tột của Phật.

Lại nữa Thiện Hiện, Thánh pháp của các Đại Bồ-tát là trí của quả Dự lưu, trí của quả Nhất lai, trí của quả Bất hoàn, trí của quả A-la-hán, trí của Độc giác Bồ-đề; trí của quả vị Giác ngộ cao tột của Phật; trí của bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; trí của pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyên; trí của bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; trí của tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; trí của Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; trí của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; trí của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; trí của pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; trí của chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; trí của bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; trí của năm loại mắt, sáu phép thần thông; trí của bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; trí của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; trí của ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; trí của pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; trí của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; trí của pháp thiện và pháp ác, trí của pháp hữu ký, pháp vô ký, trí của pháp hữu lậu, pháp vô lậu, trí của pháp thế gian và pháp

xuất thế gian, trí của pháp hữu vi và pháp vô vi, đó là Thánh pháp.

Kết quả của Thánh pháp là dứt trừ vĩnh viễn sự tương tục của tất cả tập khí phiền não.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát cũng có thể chứng đắc trí Nhất thiết tướng phải không?

Phật bảo:

– Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy! Các Đại Bồ-tát cũng có thể chứng đắc trí Nhất thiết tướng.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, nếu các Đại Bồ-tát cũng có thể chứng đắc trí Nhất thiết tướng thì có gì khác với Đức Phật?

Phật bảo:

– Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát chứng đắc từng phần trí Nhất thiết tướng còn chư Phật Thế Tôn thì đã chứng đắc toàn bộ trí Nhất thiết tướng. Vì sao vậy? Chẳng phải các Bồ-tát cùng chư Phật Thế Tôn tự nhiên có khác nhau. Đó là chư Bồ-tát cùng chư Phật Thế Tôn đều trụ vào tánh không sai biệt của các pháp, người cầu Chánh biến tri đối với tất cả các pháp thì gọi là Bồ-tát, nếu đạt đến cứu cánh thì gọi là Phật Thế Tôn. Nhưng đối với tự tướng và cộng tướng của tất cả các pháp, Đức Phật Thế Tôn soi rõ không mờ, hoàn toàn thanh tịnh, lúc ở nhân vị thì gọi là Bồ-tát, nếu đến quả vị thì gọi là Phật Thế Tôn. Đó là lý do mà Bồ-tát với Phật Thế Tôn tuy đều chứng đắc trí Nhất thiết tướng nhưng có sai khác.

Thiện Hiện, đó gọi là pháp thí thế gian của Đại Bồ-tát dựa vào pháp thí thế gian này, các Đại Bồ-tát có thể tu hành pháp thí xuất thế. Đó là lúc tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, trước tiên các Đại Bồ-tát phương tiện thiện xảo bố thí cho các hữu tình thiện pháp của thế gian, sau đó làm cho họ nhàm chán pháp lành của thế gian, an trú vào Thánh pháp vô lậu xuất thế gian cho đến làm cho họ đạt được trí Nhất thiết trí.

Thiện Hiện, thế nào gọi là Thánh pháp xuất thế? Đó là các Đại Bồ-tát giảng nói, khai thị, phân biệt rõ ràng cho các hữu tình gọi là bố thí pháp. Thiện Hiện, tất cả đều không đồng với pháp lành phàm phu, pháp mà nếu tu đúng đắn thì giúp cho các hữu tình vượt hẳn thế

gian và sống yên ổn là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, ba pháp môn giải thoát, tám Giải thoát, chín Định thứ đệ, trí bốn Thánh đế, trí Ba-la-mật-đa và các pháp không, mười địa Bồ-tát, năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ, tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. tất cả pháp lành, vô lậu như vậy đều được gọi là Thánh pháp xuất thế. Đại Bồ-tát nào giảng nói, khai thị, phân biệt rõ ràng cho các hữu tình nghe về các pháp như vậy thì gọi Bồ-tát bố thí pháp xuất thế.

Thiện Hiện, trong đây những gì gọi là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề? Đó là bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đăng giác, tám chi Thánh đạo. Thiện Hiện, đó là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề.

Thiện Hiện, bốn Niệm trụ là đối với bên trong thân, bên ngoài thân, cả trong lẫn ngoài thân, Đại Bồ-tát nương theo thân để quán, với đầy đủ chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ tham ưu ở đời, dựa vào sự nhóm hợp của thân để quán, dựa vào sự hoại của thân để quán. Do người kia nương vào thân để quán, không có chỗ nương dựa nên không nắm giữ đối với các thế gian đó là pháp niệm thứ nhất. Đối với thọ, đối với tâm, đối với pháp cũng vậy. Đó là bốn Niệm trụ.

Thiện Hiện, bốn Chánh đoạn là Đại Bồ-tát vì muốn làm cho pháp ác chưa sinh vĩnh viễn không sinh, vì muốn làm cho pháp ác đã sinh vĩnh viễn diệt trừ, vì muốn làm cho pháp lành chưa sinh được sinh, vì muốn làm cho pháp đã sinh bền lâu không mất, gia tăng tu tập để chứng đắc trí rộng lớn nên vị ấy phát sinh ý muốn siêng năng tinh tấn, thúc liễm tự tâm. Đó gọi là bốn Chánh đoạn.

Thiện Hiện, bốn Thần túc là Đại Bồ-tát tu tập thần túc, thành tựu đoạn hành nhờ Dục tam-ma-địa, tu tập thần túc, thành tựu đoạn hành nhờ Cần tam-ma-địa, tu tập thần túc, thành tựu đoạn hành nhờ Tâm tam-ma-địa, dựa vào sự nhàm chán, dựa vào sự lìa bỏ, dựa vào sự tiêu diệt, hồi hướng đối với xả. Đó là bốn Thần túc.

Thiện Hiện, năm Căn là Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn của Đại Bồ-tát.

Thiền Hiện, năm Lực là Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực của Đại Bồ-tát. Đó là năm Lực.

Thiền Hiện, bảy chi Đăng giác là Niệm đăng giác chi, Trạch pháp đăng giác chi, Tinh tấn đăng giác chi, Hỷ đăng giác chi, Khinh an đăng giác chi, Định đăng giác chi, Xả đăng giác chi của Đại Bồ-tát. Đó là bảy chi Đăng giác.

Thiền Hiện, tám chi Thánh đạo là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định của Đại Bồ-tát. Đó là tám chi Thánh đạo.

Thiền Hiện, ba pháp môn giải thoát là pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện của Đại Bồ-tát. Thế nào là pháp môn giải thoát Không? Đó là Đại Bồ-tát dùng hành tướng không, vô ngã thu nhiếp tâm về một nẻo. Đó gọi là pháp môn giải thoát Không. Thế nào là pháp môn giải thoát Vô tướng? Đó là Đại Bồ-tát dùng hành tướng vắng lặng, tịch diệt thu nhiếp tâm về một nẻo. Đó gọi là pháp môn giải thoát Vô tướng. Thế nào là pháp môn giải thoát Vô nguyện? Đó là Đại Bồ-tát dùng hành tướng khổ, vô thường thu nhiếp tâm về một nẻo. Đó gọi là pháp môn giải thoát Vô nguyện.

Thiền Hiện, tám Giải thoát là Đại Bồ-tát tự có sắc quán các sắc bên ngoài. Đó là giải thoát thứ nhất. Tưởng bên trong không có sắc quán các sắc bên ngoài là giải thoát thứ hai. Chứng đắc sự thanh tịnh trong thân là giải thoát thứ ba. Vượt qua tất cả sắc tướng, diệt trừ hữu đối tượng, không tư duy các loại tướng nhập vào định vô biên không, Không vô biên xứ định và hoàn toàn an trụ trong đó là giải thoát thứ tư. Vượt qua tất cả Không vô biên xứ nhập vào định vô biên thức, Thức vô biên xứ và an trụ hoàn toàn trong đó là giải thoát thứ năm. Vượt qua tất cả Thức vô biên xứ nhập vào định vô sở hữu, Vô sở hữu xứ an trụ hoàn toàn trong đó là giải thoát thứ sáu. Vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ nhập vào định Phi tướng phi phi tướng xứ và an trụ hoàn toàn trong đó là giải thoát thứ bảy. Vượt qua tất cả Phi tướng phi phi tướng xứ nhập vào định Diệt tướng thọ và an trụ hoàn toàn trong đó là giải thoát thứ tám.

Thiền Hiện, chín Định thứ đệ là Đại Bồ-tát lìa pháp dục ác, bất thiện, có tâm có tứ, ly sinh hỷ lạc nhập vào Sơ tĩnh lự và an trụ hoàn toàn trong đó là lớp định thứ nhất; vắng mặt tầm tứ, trong tâm yên

tịnh chỉ còn tánh không tâm không tứ định sinh hy lạc nhập vào Tĩnh lực thứ hai và an trụ hoàn toàn trong đó là lớp định thứ nhì; lìa hỷ lạc vào xả, chánh niệm chánh trí, thân cảm thọ diệu lạc mà bậc Thánh dạy nên xả bỏ đầy đủ niệm lạc trú nhập vào Tĩnh lực thứ ba và an trụ hoàn toàn trong đó là lớp định thứ ba; dứt vui dứt khổ, chấm dứt khổ lạc trước đây, hoàn toàn không còn khổ lạc, xả niệm thanh tịnh nhập Tĩnh lực thứ tư và an trụ hoàn toàn trong đó là lớp định thứ tư; vượt qua tất cả sắc tướng, diệt trừ tướng hữu đối, không tư duy các loại tướng nhập vào vô biên không, Không vô biên xứ và hoàn toàn an trụ trong đó là lớp định thứ năm; như vậy cho đến vượt qua tất cả Phi tướng phi phi tướng xứ nhập vào định Diệt tướng thọ và an trụ hoàn toàn trong đó là giải thoát thứ chín.

Thiện Hiện, trí bốn Thánh đế là Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí của Đại Bồ-tát.

Thiện Hiện, Ba-la-mật-đa là Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lực, Bát-nhã phương tiện thiện xảo, diệu nguyện, lược, trí ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát. Đó là Ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, trí của các pháp không là trí hiểu biết pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh và trí hiểu biết chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Đó là trí hiểu biết các pháp không của Đại Bồ-tát.

Thiện Hiện, mười địa của Đại Bồ-tát là bậc Cực hỷ, bậc Ly cấu, bậc quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân. Đó là mười địa của Đại Bồ-tát.

Thiện Hiện, năm loại mắt là Nhục nhãn, Thiên nhãn, Thánh tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn mà Đại Bồ-tát mong cầu.

Thiện Hiện, sáu phép thần thông là các thần thông mà các Đại Bồ-tát tu học như Thần cảnh trí chứng thông, Thiên nhãn trí chứng thông, Thiên nhĩ trí chứng thông, Tha tâm trí chứng thông, Túc trụ tùy niệm trí chứng thông, Lậu tận trí chứng thông. Đó là sáu phép thần thông.

Thiện Hiện, mười lực của Như Lai là các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối với đạo lý biết như thật là đạo lý, đối với phi đạo lý biết như thật là phi đạo lý, đó là lực thứ nhất. Các Như Lai Ứng

Chánh Đẳng Giác biết như thật về các nghiệp quá khứ, hiện tại, vị lai của các hữu tình và nhân dị thực của các pháp thọ xứ, đó là lực thứ hai. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết như thật về đủ loại cảnh giới khác nhau của các chúng sinh, là lực thứ ba. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết rõ như thật về các loại hiểu biết khác nhau tầm tứ khác nhau là lực thứ tư. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết rõ như thật căn cơ hơn kém hữu tình và chúng sinh là lực thứ năm. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết rõ như thật các hạnh nghiệp của các cảnh giới là lực thứ sáu. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết rõ như thật sự an lập sai khác của tất cả tinh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí, tạp nhiễm trong sạch là lực thứ bảy. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác dùng Thiên nhãn trong sạch hơn hẳn loài người, thấy các việc thiện ác lúc sống, chết của các loài hữu tình, do ba nghiệp ác nơi thân, miệng, ý, do các tà kiến, do hủy báng Thánh hiền nên các hữu tình này đọa vào các đường ác; nhờ ba diệu hạnh nơi thân, miệng, ý, nhờ các chánh kiến nhờ ca ngợi Thánh Hiền nên các hữu tình này sinh vào các đường lành. Các Ngài còn dùng Thiên nhãn thanh tịnh hơn, người, thấy các sắc đẹp, sắc xấu của các hữu tình lúc sống, chết và do đó lại sinh vào các đường lành, đường dữ. Đối với việc các hữu tình sinh vào đường lành dữ này theo thế lực của nghiệp vị ấy đều biết như thật, đó là lực thứ tám. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết rõ như thật đối với vô số việc trong đời quá khứ của các hữu tình, biết rõ các việc làm, lời nói, tướng mạo của họ trong một đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời hoặc vô lượng đời hoặc một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp hoặc vô lượng kiếp, đó là lực thứ chín. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết rõ như thật về các lậu tận, về tâm giải thoát vô lậu, về tuệ giải thoát vô lậu. Đối với pháp giải thoát chân chánh, dứt sạch phiền não, vị ấy chứng đắc thông suốt và hoàn toàn an trụ trong đó. Vị ấy nhận biết như thật: “Sinh đã tận, không còn tham ái, việc làm đã xong, không còn luân hồi”, ấy là lực thứ mười. Đó là mười lực của Như Lai.

Thiện Hiện, bốn điều không sợ là nếu các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự xưng “Ta là Bạc Chánh Đẳng Giác.” Giả sử có Sa-môn, hoặc là Bà-la-môn hoặc Thiên ma và trời Phạm thiên vương

hoặc thế gian khác dựa vào pháp để vấn nạn hoặc làm cho nghĩ rằng đối với pháp này Phật chẳng phải là Chánh Đẳng Giác thì đối với sự vấn nạn đó Ta thấy rõ nó không có căn cứ. Do thấy rõ sự vấn nạn ấy là không căn cứ nên Ta được yên ổn, không lo sợ và tự xưng là Ta ở ngôi vị Phật Thế Tôn, nên ở giữa đại chúng, Ta rống tiếng rống của sư tử, chuyển vận bánh xe Đại phạm mà tất cả Sa-môn, Bà-la-môn hoặc Trời, Ma, Phạm thiên hoặc thế gian khác chắc chắn không có ai có thể chuyển vận như pháp ấy. Đó là điều không sợ thứ nhất.

Hoặc các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự xưng đã vĩnh viễn diệt sạch các phiền não, giả sử có Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma, Phạm hoặc các thế gian khác y theo pháp vấn nạn muốn làm cho nghĩ rằng: “Phật vẫn chưa vĩnh viễn dứt trừ các phiền não này”, thì đối với sự vấn nạn ấy Ta thấy rõ là không có căn cứ. Do thấy rõ sự vấn nạn ấy là không căn cứ nên chúng ta được an ổn, không lo sợ và tự xưng là Ta ở ngôi vị Phật Thế Tôn, ở giữa đại chúng Ta rống tiếng rống của sư tử, vận chuyển bánh xe Đại phạm mà tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma, Phạm hoặc các thế gian khác chắc chắn không ai có thể vận chuyển đúng pháp ấy. Đó là điều không sợ thứ nhì.

Hoặc các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự xưng: Ta nói cho các đệ tử nghe pháp có thể ngăn cản sự nhiễm ô, giả sử có Sa-môn hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm hoặc thế gian khác y pháp vấn nạn hoặc làm cho suy nghĩ rằng: “Có sự nhiễm ô pháp này không thể ngăn cản được thì đối với sự vấn nạn đó, Ta thấy rõ là nó không có căn cứ. Do thấy rõ sự vấn nạn đó là không có căn cứ nên ta được yên ổn không lo sợ và tự xưng là Ta ở ngôi vị Phật Thế Tôn, ở giữa đại chúng Ta rống tiếng rống của sư tử, vận chuyển bánh xe Đại phạm mà tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma, Phạm hoặc các thế gian khác chắc chắn không ai có thể, vận chuyển đúng pháp. Đó là điều không sợ thứ ba.

Hoặc các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự xưng: Ta nói với các đệ tử nghe về đạo xuất ly mà các bậc Thánh tu tập, quyết định xuất ly, chắc chắn thông đạt, dứt tận các khổ đến tận bờ mé. Giả sử có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm hoặc thế gian khác dựa vào pháp vấn nạn hoặc làm cho suy nghĩ có người nào tu

theo đạo này thì chẳng phải xuất ly đúng đắn, chẳng phải thông đạt đúng đắn, chẳng hoàn toàn dứt khổ, không thể vượt hết khổ thì Ta thấy rõ sự vấn nạn ấy là không có căn cứ. Do thấy rõ vấn nạn ấy là không căn cứ nên chúng ta được yên ổn, không lo sợ và tự xưng là Ta ở ngôi vị Phật Thế Tôn; ở giữa đại chúng Ta rống tiếng rống của sư tử, vận chuyển bánh xe Đại phạm mà tất cả Sa-môn, Bà-la-môn Trời, Ma, Phạm hoặc các thế gian khác chắc chắn không ai có thể vận chuyển đúng pháp ấy. Đó là điều không sợ thứ tư. Đó là bốn điều không sợ.

Thiện Hiện, bốn sự hiểu biết thông suốt là Nghĩa vô ngại giải, Pháp vô ngại giải, Từ vô ngại giải và Biện vô ngại giải.

Thiện Hiện, thế nào là Nghĩa vô ngại giải? Đó là trí biết rõ nghĩa lý không bị ngăn ngại. Thế nào là Pháp vô ngại giải? Đó là trí không bị ngăn ngại đối với giáo pháp. Thế nào là Từ vô ngại giải? Đó là trí thông đạt về ngôn từ. Thế nào là Biện vô ngại giải? Đó là trí biện bác, nói năng không bị ngăn ngại.

Thiện Hiện, mười tám pháp Phật bất cộng là các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thường không lầm lỗi, không nói giọng thô bạo, ý niệm không sai sót, tâm luôn ở trong định, không có các loại tưởng, luôn lựa chọn xả bỏ, không lui mất ý muốn làm việc thiện, tinh tấn không giảm, nhớ nghĩ không thoái chuyển, trí tuệ không thoái chuyển, giải thoát không thoái chuyển, giải thoát tri kiến không thoái chuyển, trí tuệ hiểu biết về đời quá khứ không bị dính mắc, ngăn ngại, trí tuệ hiểu biết về đời hiện tại không bị dính mắc, ngăn ngại, hoặc trí tuệ hiểu biết về đời vị lai không bị dính mắc, ngăn ngại, tất cả thân nghiệp đều được trí tuệ dẫn dắt và chuyển động theo trí tuệ, tất cả ngữ nghiệp được trí tuệ dẫn dắt và chuyển vận theo trí tuệ. Đó là mười tám pháp Phật bất cộng.

Lại nữa Thiện Hiện, ba mươi hai tướng của bậc Đại sĩ là:

Lòng bàn chân bằng phẳng đầy đặn, hoàn toàn ổn định giống như đáy hộp, tuy đất gập ghềnh nhưng hề bước đến chỗ nào thì bàn chân liền tiếp xúc đều với mặt đất, không có chỗ nào chẳng tiếp xúc; đó là tướng thứ nhất.

Dưới chân Như Lai có hoa văn hình bánh xe ngàn cãm có các tướng vành và cốt đều tròn trịa; đó là tướng thứ hai. Tay chân Như



Lai đều mềm mịn như bông đũa-la hơn hết tất cả; đó là tướng thứ ba.

Giống như nhận chúa giữa các ngón tay ngón chân của Như Lai đều có làn da có hoa văn bằng màu vàng giao nhau như bức tranh thêu; đó là tướng thứ tư.

Các ngón tay ngón chân của Như Lai tròn trịa thon dài rất khả ái; đó là tướng thứ năm.

Gót chân Như Lai rộng dài đầy đặn, tương xứng với mu bàn chân, hơn hẳn các hữu tình khác; đó là tướng thứ sáu.

Mu bàn chân của Như Lai dài, cao, đầy đặn mềm mại xinh đẹp tương xứng với gót chân; đó là tướng thứ bảy.

Hai bắp chân Như Lai tuần tự thon tròn như bắp chân của nai chúa Ế-nê-da tiên; đó là tướng thứ tám.

Đôi cánh tay Như Lai tròn trịa dài thẳng như vòi voi chúa, khi đứng thẳng thì đung gối; đó là tướng thứ chín.

Âm tướng của Như Lai nhọn ẩn kín giống như long mã hoặc voi chúa; đó là tướng thứ mười.

Mỗi lỗ chân lông của Như Lai, đều sinh một sợi lông mềm mại xanh biếc xoay về phía phải; đó là tướng thứ mười một.

Lông tóc Như Lai ngay thẳng lên trên xoay về phía phải mềm mại xanh biếc trang điểm thân kim sắc rất xinh đẹp; đó là tướng thứ mười hai.

Da trên thân Như Lai mịn, mỏng trơn, láng bụi đất, nước... đều không thể bám; đó là tướng thứ mười ba.

Da trên thân Như Lai thuần một màu vàng ròng, sáng sạch lóng lánh như đài bằng vàng xinh đẹp được các vật báu trang sức mọi người đều thích; đó là tướng thứ mười bốn.

Bảy chỗ là lòng hai bàn chân, lòng hai bàn tay, cổ và hai vai của Như Lai đều đầy đặn; đó là tướng thứ mười lăm.

Vai ót Như Lai tròn trịa xinh đẹp; đó là tướng thứ mười sáu.

Bắp tay và nách Như Lai đều đầy đặn; đó là tướng thứ mười bảy.

Dung mạo Như Lai cao lớn ngay thẳng; đó là tướng thứ mười tám.

Thân tướng Như Lai cao lớn trang nghiêm; đó là tướng thứ mười chín.

Thể tướng Như Lai cao rộng, tròn đầy như cây Nặc-cù-đà; đó là tướng thứ hai mươi.

Cằm, ngực và nửa thân trên của Như Lai oai phong rộng lớn như sư tử chúa; đó là tướng thứ hai mươi một.

Quanh mình Như Lai thường có ánh sáng chiếu ra một tầm; đó là tướng thứ hai mươi hai.

Như Lai có bốn mươi cái răng đều đặn bằng phẳng, kín, sạch, gốc sâu, trắng hơn ngọc kha; đó là tướng thứ hai mươi ba.

Bốn răng nanh của Như Lai trắng đẹp bén nhọn; đó là tướng thứ hai mươi bốn.

Như Lai ăn gì cũng biến thành vị ngon nhất trong các vị; đó là tướng thứ hai mươi lăm.

Tướng lưỡi Như Lai mỏng sạch dài rộng, có thể che kín mặt cho đến tai và mí tóc; đó là tướng thứ hai mươi sáu.

Phạm âm của Như Lai có từ ngữ và âm vận rộng và tao nhã dù chúng nhiều ít cũng đều nghe được, âm thanh vang rền giống như tiếng trống trời phát ngôn thánh thót như tiếng chim Tần-ca; đó là tướng thứ hai mươi bảy.

Lông mi giống như mi trâu chúa xanh biếc gọn gàng không lẫn lộn nhau; đó là tướng thứ hai mươi tám.

Con ngươi trong mắt của Như Lai xanh biếc trắng trong, có vòng hồng trang sức xung quanh, lóng lánh phân minh; đó là tướng thứ hai mươi chín.

Khuôn mặt Như Lai giống như trăng rằm, lông mày sáng và sạch như cung của vua trời; đó là tướng thứ ba mươi.

Giữa chận mày của Như Lai có tướng lông trắng mềm mại xoay qua phải như bông đĩ-la, trắng trong sáng sạch hơn ngọc kha và tuyết; đó là tướng thứ ba mươi một.

Nhục kế trên đỉnh của Như Lai nhô cao tròn trịa giống như lộng trời; đó là tướng thứ ba mươi hai.

Đó là ba mươi hai tướng của bậc Đại sĩ.



## KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 470

### Phẩm 76: CÁC ĐỨC TƯỚNG (3)

Lại nữa Thiện Hiện, tám mươi vẻ đẹp là:

Móng tay Như Lai đẹp dài, mỏng, láng, sáng sạch trong trắng như hoa hoặc đồng đỏ; đó là tướng thứ nhất.

Ngón chân ngón tay Như Lai tròn, thon dài, ngay thẳng mềm mại, đốt xương không lộ; đó là tướng thứ hai.

Các ngón tay ngón chân của Như Lai không so le, giữa kẽ các ngón khít kín; đó là tướng thứ ba.

Tay chân Như Lai tròn đầy như ý mềm sạch sáng mịn, màu như hoa sen; đó là tướng thứ tư.

Gân mạch Như Lai, buộc ràng chắc chắn ẩn sâu chẳng hiện; đó là tướng thứ năm.

Hai mắt cá Như Lai đều ẩn chẳng hiện; đó là tướng thứ sáu.

Như Lai bước đi tiến tới thông thả như long tượng chúa; đó là tướng thứ bảy.

Như Lai bước đi oai nghi tề chỉnh như sư tử chúa; đó là tướng thứ tám.

Như Lai bước đi vững vàng thông thả không nhanh không chậm như trâu chúa; đó là tướng thứ chín.

Như Lai bước đi tiến dừng nhẹ nhàng như ngỗng chúa; đó là tướng thứ mười.

Mỗi khi ngó lui thì Như Lai đều xoay qua phía bên phải và toàn thân chuyển theo như long tượng chúa; đó là tướng thứ mười một.

Các bộ phận của thân Như Lai thẳng tròn và sắp xếp khéo léo; đó là tướng thứ mười hai.

Các đốt xương Như Lai kết nhau không hở giống như rồng uốn khúc; đó là tướng thứ mười ba.

Xương đầu gối của Như Lai được sắp xếp khéo léo, rắn chắc,

tròn đẹp; đó là tướng thứ mười bốn.

Chỗ kín của Như Lai có hoa văn xinh đẹp đầy đủ oai thế viên mãn thanh tịnh; đó là tướng thứ mười lăm.

Thân Như Lai trơn láng mềm mại, sáng láng sạch đẹp đất bụi không dính; đó là tướng thứ mười sáu.

Hình dung của Như Lai rất nghiêm nghị, không sợ hãi, không hèn nhát; đó là tướng thứ mười bảy.

Các bộ phận của thân Như Lai rắn chắc đầy đặn, khéo kết dính vào nhau; đó là tướng thứ mười tám.

Thân phần của Như Lai an ổn, vững vàng chưa từng lay động tròn đầy không hư hoại; đó là tướng thứ mười chín.

Thân tướng của Như Lai, giống như vua trời trông rất đoan trang, sáng sạch, không bị ngăn che; đó là tướng thứ hai mươi.

Thân Như Lai có ánh sáng tròn đầy bao xung quanh khi đi thường tự chiếu sáng; đó là tướng thứ hai mươi một.

Bụng Như Lai vuông vức không lệch, mềm mại ẩn kín, các tướng trang nghiêm; đó là tướng thứ hai mươi hai.

Rốn sâu có xoáy về bên phải, tròn đẹp sạch sẽ sáng láng; đó là tướng thứ hai mươi ba.

Rốn Như Lai dày chẳng lõm, chẳng lồi xoáy tròn rất đẹp; đó là tướng thứ hai mươi bốn.

Da Như Lai không bị các lỗ như ghẻ lở, nốt ruồi, thịt dư...; đó là tướng thứ hai mươi lăm.

Lòng bàn tay Như Lai đầy đặn mềm mại. Lòng bàn chân bằng phẳng; đó là tướng thứ hai mươi sáu.

Chỉ tay Như Lai sâu rõ, thẳng dài trơn láng không đứt đoạn; đó là tướng thứ hai mươi bảy.

Môi Như Lai có màu đỏ tươi sáng láng như trái tần-bà, trên dưới tương xứng; đó là tướng thứ hai mươi tám.

Khuôn mặt Như Lai đoan trang kích thước trung bình không dài, không ngắn, không to, không nhỏ; đó là tướng thứ hai mươi chín.

Tướng lưỡi Như Lai mềm mỏng, dài rộng màu đỏ như đồng; đó là tướng thứ ba mươi.

Như Lai phát tiếng chấn động rất xa, rõ ràng trong trẻo như tiếng rống của voi chúa; đó là tướng thứ ba mươi một.

Giọng nói Như Lai âm vang như tiếng vọng từ hang sâu; đó là tướng thứ ba mươi hai.

Mũi Như Lai cao và ngay thẳng, lỗ mũi ẩn kín; đó là tướng thứ ba mươi ba.

Các răng Như Lai vuông vức đều đặn trắng đẹp; đó là tướng thứ ba mươi bốn.

Răng cửa Như Lai tròn, sáng sạch bén nhọn; đó là tướng thứ ba mươi lăm.

Mắt Như Lai trong xanh và rõ ràng; đó là tướng thứ ba mươi sáu.

Mắt Như Lai dài rộng giống như hoa sen xanh rất đáng yêu; đó là tướng thứ ba mươi bảy.

Lông mi Như Lai trên dưới gọn gàng và không bạc; đó là tướng thứ ba mươi tám.

Cặp mày Như Lai dài mà không bạc, rậm mà mềm mại; đó là tướng thứ ba mươi chín.

Cặp mày Như Lai đẹp để có thứ lớp màu xanh biếc như lưu ly; đó là tướng thứ bốn mươi.

Cặp mày Như Lai cao rõ sáng láng, hình như mặt trăng đầu tháng; đó là tướng thứ bốn mươi một.

Tai Như Lai dày, rộng lớn, trái tai dài và tròn trịa; đó là tướng thứ bốn mươi hai.

Hai tay Như Lai tốt đẹp, bằng phẳng lia các lằn lổ; đó là tướng thứ bốn mươi ba.

Dung nhan Như Lai làm cho người nhìn thấy không bị khó chịu không đắm nhiễm và đều sinh kính yêu; đó là tướng thứ bốn mươi bốn.

Trán Như Lai rộng, tròn đầy, bằng phẳng hình dạng xinh đẹp; đó là tướng thứ bốn mươi lăm.

Thân phần Như Lai trên dưới tròn đầy như sư tử chúa oai nghiêm không có đối thủ; đó là tướng thứ bốn mươi sáu.

Tóc trên đầu Như Lai dài, xanh biếc, dày mà không bạc; đó là tướng thứ bốn mươi bảy.

Tóc trên đầu Như Lai thơm sạch mềm mại óng mượt và xoay về phía bên phải; đó là tướng thứ bốn mươi tám.

Tóc Như Lai gọn gàng không rối, cũng chẳng dính chùm; đó là tướng thứ bốn mươi chín.

Tóc Như Lai chắc chắn không gãy, không bao giờ rụng; đó là tướng thứ năm mươi.

Tóc Như Lai trơn bóng đẹp đẽ, không dính bụi bặm; đó là tướng thứ năm mươi một.

Thân phần Như Lai vững chắc, đầy đặn hơn cây Na-la-diên; đó là tướng thứ năm mươi hai.

Thân thể Như Lai cao lớn ngay thẳng; đó là tướng thứ năm mươi ba.

Các khiêu của Như Lai thanh tịnh tròn đẹp; đó là tướng thứ năm mươi bốn.

Thân Như Lai có thể lực thù thắng không ai sánh bằng; đó là tướng thứ năm mươi lăm.

Thân tướng Như Lai được mọi người thích xem, không hề biết chán; đó là tướng thứ năm mươi sáu.

Khuôn mặt Như Lai dài rộng vừa phải sáng rạng rỡ như mặt trăng tròn mùa thu; đó là tướng thứ năm mươi bảy.

Dung nhan Như Lai thư thái rạng rỡ, mỉm cười, trước khi nói chỉ hướng về phía trước không quay ra sau; đó là tướng thứ năm mươi tám.

Diện mạo Như Lai sáng láng vui vẻ xa lìa các lỗi nhăn nhó, đổi sắc xanh đỏ; đó là tướng thứ năm mươi chín.

Thân Như Lai trong sạch không dơ thường không hôi hám; đó là tướng thứ sáu mươi .

Các lỗ chân lông trên thân đều tiết ra mùi hương vi diệu như ý; đó là tướng thứ sáu mươi một.

Miệng Như Lai thường phát ra mùi hương thù thắng bậc nhất; đó là tướng thứ sáu mươi hai.

Tướng đầu Như Lai tròn trịa xinh đẹp như Mặt-đạt-na hoặc như lộng trời; đó là tướng thứ sáu mươi ba.

Lông thân Như Lai sáng sạch xanh biếc như cổ chim công, đỏ hồng xinh đẹp giống như đồng đỏ; đó là tướng thứ sáu mươi bốn.

Pháp âm Như Lai lớn nhỏ tùy chúng, không tăng, không giảm, đúng lý không sai; đó là tướng thứ sáu mươi lăm.

Tướng đánh Như Lai không ai thấy được; đó là tướng thứ sáu mươi sáu.

Tay chân Như Lai kẻ ngón phân minh, trang nghiêm xinh đẹp như màu hồng đỏ; đó là tướng thứ sáu mươi bảy.

Lúc Như Lai đi, chân cách đất bốn ngón tay nhưng hiện dấu ấn; đó là tướng thứ sáu mươi tám.

Như Lai tự đứng vững không cần ai đỡ, thân không nghiêng ngã, xiên vẹo; đó là tướng thứ sáu mươi chín.

Oai Đức Như Lai chấn động tất cả, người ghét thấy sinh mừng, người lo sợ thấy thì được an ổn; đó là tướng thứ bảy mươi.

Âm thanh Như Lai không cao không thấp, tùy theo ý thích chúng sinh mà vui vẻ nói cho họ; đó là tướng thứ bảy mươi một.

Tùy theo ý thích và ngôn ngữ của các loài hữu tình mà Như Lai thuyết pháp cho họ; đó là tướng thứ bảy mươi hai.

Như Lai dùng một loại ngôn ngữ để thuyết pháp làm cho các loài hữu tình đều hiểu được; đó là tướng thứ bảy mươi ba.

Như Lai thuyết pháp đều theo thứ lớp, chắc chắn có nhân duyên, lời lẽ đều khéo; đó là tướng thứ bảy mươi bốn.

Như Lai quán sát các loài hữu tình khen ngợi người thiện, chê người ác nhưng không thương ghét; đó là tướng thứ bảy mươi lăm.

Khi phải làm gì, Như Lai quán trước làm sau, đầu đủ khôn phép giúp họ biết việc trong sạch; đó là tướng thứ bảy mươi sáu.

Tướng hảo của Như Lai tất cả hữu tình không ai có thể quán sát hết; đó là tướng thứ bảy mươi bảy.

Xương đánh của Như Lai rắn chắc tròn đầy; đó là tướng thứ bảy mươi tám.

Dung nhan Như Lai thường trẻ không già phần tốt thay thế phần cũ; đó là tướng thứ bảy mươi chín.

Tay chân và trước ngực Như Lai đều có đức tướng kiết tường xoay về phía phải giống như bức họa thêu, sắc màu đỏ tươi; đó là tướng thứ tám mươi.

Đó là tám mươi vẻ đẹp.

Thiện Hiện, do Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thành tựu các tướng hảo như vậy nên ánh sáng trên thân có thể tùy ý chiếu đầy khắp thế giới ba lần ngàn. Khi nào Như Lai tác ý, ánh sáng liền có

thể chiếu khắp vô số thế giới. Nhưng vì thương xót các hữu tình nên Như Lai thu ánh sáng chỉ thường chiếu ra xung quanh mặt một tầm. Nếu phóng ánh sáng của thân ra thì ánh sáng của mặt trời, mặt trăng đều lặn mất, các loài hữu tình liền không thể biết thời gian ngày đêm, nửa tháng, một tháng và các việc làm của họ không được thành tựu.

Âm thanh Phật có thể biến khắp thế giới ba lần ngàn hoặc lúc tác ý liền có thể biến khắp vô số thế giới nhưng vì muốn làm lợi ích cho hữu tình nên âm thanh ấy tùy theo số lượng chúng sinh chứ không giảm cũng không tăng.

Thiện Hiện, công đức như vậy, trước kia, khi ở địa vị Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đã thành tựu trọn vẹn cho nên nay tướng hảo viên mãn trang nghiêm, tất cả hữu tình thấy đều hoan hỷ, đều thu được lợi ích an lạc thù thắng.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát có thể dùng hai loại Bồ thí là tài thí và pháp thí để giúp đỡ các hữu tình, đó là pháp kỳ lạ hy hữu.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát dùng Ái ngữ giúp đỡ các hữu tình như thế nào? Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, trước tiên các Đại Bồ-tát dùng âm thanh vi diệu thuyết giảng cho hữu tình nghe về Bồ thí ba-la-mật-đa, kế đó nói về Tịnh giới ba-la-mật-đa, kế nói về An nhẫn ba-la-mật-đa, kế nói về Tinh tấn ba-la-mật-đa, kế nói về Tịch lự ba-la-mật-đa, cuối cùng nói về Bát-nhã ba-la-mật-đa để tìm cách giúp đỡ họ.

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát dùng âm thanh êm dịu nói kỹ về sáu pháp Ba-la-mật-đa để giúp đỡ các hữu tình. Vì sao vậy? Do sáu pháp Ba-la-mật-đa có thể thu nhiếp tất cả pháp lành.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát dùng Lợi hành để giúp đỡ các hữu tình như thế nào?

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa trong một thời gian dài, các Đại Bồ-tát dùng đủ mọi phương tiện để khuyên các hữu tình tinh tấn tu học Bồ thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịch lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và các pháp lành thù thắng khác, không biếng nhác phế bỏ.



Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát dùng Đồng sự để cứu giúp các hữu tình như thế nào?

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát dùng thần thông thù thắng và đại nguyện lực thị hiện sống ở địa ngục, bàng sinh, quỷ giới, người, trời... cùng làm việc chung với họ, tìm cách giúp đỡ họ thu được lợi ích an lạc thù thắng.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát có thể dùng Bồ thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự giúp đỡ các hữu tình. Đó là pháp hy hữu kỳ lạ.

Lại nữa Thiện Hiện, Ta dùng Phật nhãn quán sát trong mười phương hằng hà sa số thế giới thấy ít có Đại Bồ-tát, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dạy dỗ các Đại Bồ-tát khác rằng: Đến đây thiện nam, ông nên khéo léo học và làm phát sinh các văn tự Đà-la-ni, nghĩa là nên học một chữ, hai chữ cho đến mười chữ, như vậy cho đến hai mươi, ba mươi cho đến hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc vạn cho đến vô số, làm phát sinh một cách tự tại. Lại nên khéo học tất cả ngôn ngữ đều nhập vào một chữ, hoặc nhập vào hai chữ cho đến mười chữ, như vậy cho đến hai mươi, ba mươi cho đến hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc vạn cho đến vô số, hoạt dụng một cách tự tại. Lại nên khéo học ở trong một chữ bao gồm tất cả chữ, trong tất cả chữ bao gồm một chữ sử dụng một cách tự tại. Lại nên khéo học có thể bao gồm bốn mươi hai chữ cái, bốn mươi hai chữ cái, có thể bao gồm một chữ.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát này nên khéo học, bốn mươi hai chữ cái, nhập vào một chữ, một chữ cũng nhập vào bốn mươi hai chữ. Sau khi đã học như vậy, vị ấy phát sinh thiện xảo đối với các chữ. Sau khi đã phát sinh thiện xảo đối với các chữ rồi, họ lại làm phát sinh thiện xảo đối với không chữ. Giống như các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác khéo léo đối với các pháp khéo léo đối với chữ. Do khéo léo đối với các pháp và các chữ nên vị ấy cũng khéo léo đối với không chữ. Nhờ khéo léo nên vị ấy có thể giảng cho hữu tình nghe về pháp có chữ và pháp không có chữ. Vì pháp không chữ mà nói về pháp có chữ. Vì sao vậy? Lìa chữ, không chữ thì không khác Phật pháp, vượt qua tất cả chữ gọi là chân Phật pháp. Vì sao vậy? Do tất cả pháp, tất cả hữu tình đều rớt ráo không, không có biên giới.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp, tất cả hữu tình đều rốt ráo không, không có biên giới, vượt qua các văn tự, tự tánh tất cả pháp, tất cả hữu tình đều hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, vậy các Đại Bồ-tát làm sao tu hành Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; làm sao tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; làm sao tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; làm sao tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; làm sao an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; làm sao an trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; làm sao an trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; làm sao tu hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; làm sao tu hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; làm sao tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; làm sao tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; làm sao tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; làm sao tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; làm sao tu hành ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; làm sao an trú vào quả báo của sáu pháp Ba-la-mật-đa và sáu phép thần thông để giảng giải Chánh pháp cho các hữu tình nghe?

Bạch Thế Tôn, tất cả hữu tình đều chẳng thể nắm bắt được, các việc làm của các hữu tình cũng chẳng thể nắm bắt được. Do các hữu tình chẳng thể nắm bắt được nên sắc cho đến thức cũng chẳng thể nắm bắt được; nhãn xứ cho đến ý xứ cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc xứ cho đến pháp xứ cũng chẳng thể nắm bắt được; nhãn giới cho đến ý giới cũng chẳng thể nắm bắt được; sắc giới cho đến pháp giới cũng chẳng thể nắm bắt được; nhãn thức giới cho đến ý thức giới cũng chẳng thể nắm bắt được; nhãn xúc cho đến ý xúc cũng chẳng thể nắm bắt được; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng chẳng thể nắm bắt được; địa giới cho đến thức giới cũng chẳng thể nắm bắt được; nhân duyên cho đến tăng thượng duyên cũng chẳng thể nắm bắt được; các pháp do nhân duyên sinh ra cũng chẳng thể nắm bắt được; vô minh cho đến lão tử cũng chẳng thể nắm bắt được; Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng chẳng thể nắm bắt được;

bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng chẳng thể nắm bắt được; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng thể nắm bắt được; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo cũng chẳng thể nắm bắt được; tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ cũng chẳng thể nắm bắt được; bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai cũng chẳng thể nắm bắt được; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng chẳng thể nắm bắt được; năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng chẳng thể nắm bắt được; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng thể nắm bắt được; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả cũng chẳng thể nắm bắt được; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng chẳng thể nắm bắt được; quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề cũng chẳng thể nắm bắt được; tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật cũng chẳng thể nắm bắt được; ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Phật cũng chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn, ở trong pháp chẳng thể nắm bắt được, không có hữu tình và việc làm của họ, không có sắc cho đến thức và sự hoạt động của nó; không có nhãn xứ cho đến ý xứ và sự hoạt động của nó; không có sắc xứ cho đến pháp xứ và sự hoạt động của nó; không có nhãn giới cho đến ý giới và sự hoạt động của nó; không có sắc giới cho đến pháp giới và sự hoạt động của nó; không có nhãn thức giới cho đến ý thức giới và sự hoạt động của nó; không có nhãn xúc cho đến ý xúc và sự hoạt động của nó; không có các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và hoạt động của nó; không có địa giới cho đến thức giới và sự hoạt động của nó; không có nhân duyên cho đến tăng thượng duyên và sự hoạt động của nó; không có các pháp do nhân duyên sinh ra và hoạt động của nó; không có vô minh cho đến lão tử và sự hoạt động của nó; không Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa và sự hoạt động của nó; không có bốn Tịch lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và sự hoạt động của nó; không có bốn Niệm trụ cho đến tám chi

Thánh đạo và sự hoạt động của nó; không có ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện và hoạt động của nó; không có pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh và sự hoạt động của nó; không có Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo và hoạt động của nó; không có tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ và hoạt động của nó; không có bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai và hoạt động của nó; không có bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân và hoạt động của nó; không có tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa và sự hoạt động của nó; không có năm loại mắt, sáu phép thần thông và sự hoạt động của nó; không có mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng và sự hoạt động của nó; không có pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả và sự hoạt động của nó; không có trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và sự hoạt động của nó; không có quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề và sự hoạt động của nó; không có tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật và hoạt động của nó; không có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp và sự hoạt động của nó.

Bạch Thế Tôn, tất cả các pháp hữu tình và sự hoạt động của nó chúng đã chẳng thể nắm bắt được và hoàn toàn không sở hữu, vậy lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát nói những pháp gì cho các hữu tình?

Bạch Thế Tôn, đừng cho rằng các Đại Bồ-tát tự an trú vào pháp bất chánh để giảng cho các hữu tình nghe về pháp bất chánh, khuyên các hữu tình trụ vào pháp bất chánh, dùng pháp điên đảo để an lập hữu tình. Vì sao vậy? Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát còn không chứng đắc Bồ-đề hướng là chứng đắc pháp phần Bồ-đề, còn không chứng đắc Đại Bồ-tát hướng là chứng đắc pháp Đại Bồ-tát.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Tất cả hữu tình đều chẳng thể nắm bắt được, sự hoạt động của các hữu tình cũng chẳng thể nắm bắt được, tất cả các pháp đều chẳng thể nắm bắt được, sự hoạt động của tất cả các pháp cũng chẳng thể nắm bắt được. Do chẳng thể nắm bắt được nên chúng hoàn toàn không sở hữu, do không sở hữu nên biết không bên trong, không bên ngoài,

không cả trong ngoài, không không, không lớn, không thắng nghĩa, không hữu vi, không vô vi, không rốt ráo, không không biên giới, không tản mạn chẳng đối khác, không bản tánh, không tự tướng cộng tướng, không nơi tất cả pháp, không chẳng thể nắm bắt được, không không tánh, không tự tánh, không không tánh tự tánh; nên biết không chân như, không pháp giới, không pháp tánh, không tánh chẳng hư vọng, không tánh chẳng biến đổi, không tánh bình đẳng, không tánh ly sinh, không pháp định, không pháp trụ, không thật tế, không cảnh giới hư không, không cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; nên biết không Thánh đế khổ, không Thánh đế tập, không Thánh đế diệt, không Thánh đế đạo; nên biết không sắc uẩn cho đến thức uẩn; biết được không nhãn xứ cho đến ý xứ; nên biết không sắc xứ cho đến pháp xứ; nên biết không nhãn giới cho đến ý giới; nên biết không sắc giới cho đến pháp giới; nên biết không nhãn thức giới cho đến ý thức giới; nên biết không nhãn xúc cho đến ý xúc; nên biết không các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến không các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; nên biết không địa giới cho đến thức giới; nên biết không nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; nên biết không các pháp do nhân duyên sinh ra; nên biết không vô minh cho đến lão tử; nên biết không ngã, hữu tình cho đến cái biết, cái thấy; nên biết không Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; nên biết không bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; nên biết không bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; nên biết không pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; nên biết không tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; nên biết không bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; nên biết không bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; nên biết không tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; nên biết không năm loại mắt, sáu phép thần thông; nên biết không mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; nên biết không pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; nên biết không trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; nên biết không quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; nên biết không Chánh tánh ly sinh của Đại Bồ-tát; nên biết không đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; nên biết không tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; nên biết không quả vị Giác ngộ cao tốt của

Phật; nên biết không ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.

Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát thấy tất cả pháp đều hoàn toàn không, giảng nói cho các hữu tình nghe về các pháp giúp họ lìa điên đảo, tuy giảng nói các pháp cho các hữu tình nghe nhưng hoàn toàn vô sở đắc đối với hữu tình, cũng hoàn toàn vô sở đắc đối với tất cả các pháp, chẳng tăng, chẳng giảm, không nắm giữ, không xả bỏ đối với các tướng không, do nhân duyên này, tuy nói các pháp nhưng không có chỗ nói.

Thiện Hiện, lúc quán sát tất cả pháp như vậy, Đại Bồ-tát này chứng đắc trí vô ngại. Do có trí này, vị ấy không hủy hoại các pháp không có phân biệt thành hai, giảng giải như thật cho các hữu tình, giúp họ lìa điên đảo vọng tưởng chấp trước, đạt đến quả ba thừa tùy theo căn cơ của họ, chứng đắc Niết-bàn thường còn an lạc rốt ráo. Như có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hóa làm một vị Phật. Vị Phật này lại có thể hóa làm vô lượng trăm ngàn, trăm ức, muôn ức chúng.

Khi ấy vị Hóa Phật kia dạy dỗ chúng đã được hóa ra giúp họ tu hành Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc giúp tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc giúp tu hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc giúp tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; hoặc giúp an trụ pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; hoặc giúp an trụ chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; hoặc giúp an trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc giúp tu hành tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; hoặc giúp tu hành bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai; hoặc giúp tu hành bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; hoặc giúp tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; hoặc giúp tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc giúp tu hành mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc giúp tu hành ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; hoặc giúp tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc giúp tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; hoặc giúp an trụ quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; hoặc giúp an trụ vào địa vị thù thắng của Bồ-tát, hoặc giúp an trụ Vô thượng Bồ-đề.

Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Lúc ấy Hóa Phật và chúng đệ tử

đã được hóa ra có chỗ phân biệt và có phá hoại đối với các pháp không?

Thiện Hiện đáp:

–Không, thưa Thế Tôn! Những vật được hóa ra không phân biệt đối với tất cả pháp.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, vì lý do này nên biết các Đại Bồ-tát cũng thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, thuyết pháp thích hợp cho các hữu tình, tuy không phân biệt phá hoại pháp tướng nhưng có thể như thật an lập hữu tình giúp họ an trú vào địa vị thích hợp. Tuy hoàn toàn vô sở đắc đối với hữu tình và tất cả pháp nhưng vị ấy giúp hữu tình giải thoát vọng tưởng điên đảo chấp trước do lấy không buộc, không mở làm phương tiện. Vì sao vậy? Thiện Hiện, bản tánh của sắc cho đến thức không buộc, không mở. Nếu pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải sắc cho đến chẳng phải thức. Vì sao vậy? Vì sắc cho đến thức hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của nhãn xứ cho đến bản tánh của ý xứ không buộc, không mở, pháp nào bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải nhãn xứ cho đến chẳng phải ý xứ. Vì sao vậy? Vì nhãn xứ cho đến ý xứ bản tánh hoàn toàn vắng lặng. Thiện Hiện, bản tánh sắc xứ cho đến pháp xứ không buộc, không mở, pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải sắc xứ cho đến pháp xứ. Vì sao vậy? sắc xứ cho đến pháp xứ hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của nhãn giới cho đến bản tánh ý giới không buộc, không mở, pháp nào bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải nhãn giới cho đến chẳng phải ý giới. Vì sao vậy? nhãn giới cho đến ý giới hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của sắc giới cho đến bản tánh của pháp giới không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải sắc giới cho đến pháp giới. Vì sao vậy? sắc giới cho đến pháp giới hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh nhãn thức giới cho đến bản tánh ý thức giới không buộc, không mở. Pháp nào bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải nhãn thức giới cho đến chẳng phải ý thức

giới. Vì sao vậy? nhãn thức giới cho đến ý thức giới hoàn toàn vắng lặng. Thiện Hiện, bản tánh của nhãn xúc cho đến bản tánh ý xúc không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp đó chẳng phải nhãn xúc cho đến chẳng phải ý xúc. Vì sao vậy? nhãn xúc cho đến ý xúc hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến bản tánh các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp đó chẳng phải là các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến chẳng phải các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì sao vậy? các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của địa giới cho đến bản tánh thức giới không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp đó chẳng phải là địa giới cho đến thức giới. Vì sao vậy? Địa giới cho đến thức giới hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không buộc, không mở. Pháp nào không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải nhân duyên cho đến tăng thượng duyên. Vì sao vậy? Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh các pháp do nhân duyên sinh ra không buộc, không mở. Pháp nào không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải các pháp do nhân duyên sinh ra. Vì sao vậy? Vì các pháp do nhân duyên sinh ra hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh vô minh cho đến bản tánh của lão tử không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải vô minh cho đến lão tử. Vì sao vậy? vô minh cho đến lão tử hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến bản tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao vậy? Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc,



không mở thì pháp thì pháp ấy chẳng phải bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì sao vậy? Bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của bốn Niệm trụ cho đến bản tánh tám chi Thánh đạo không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải bốn Niệm trụ cho đến chẳng phải là tám chi Thánh đạo. Vì sao vậy? Bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của pháp môn giải thoát Không và bản tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp đó không phải là pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao vậy? Pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của pháp không bên trong cho đến bản tánh pháp không không tánh tự tánh không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp đó chẳng phải là pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh. Vì sao vậy? Vì pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của chân như cho đến bản tánh cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp đó chẳng phải là chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp đó chẳng phải là Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Vì sao vậy? Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của tám Giải thoát cho đến bản tánh của mười Biến xứ không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là tám Giải thoát cho đến chẳng phải là mười Biến xứ. Vì sao vậy? Tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của bậc Tịnh quán cho đến bản tánh của

bậc Như Lai không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp đó chẳng phải là bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai. Vì sao vậy? Bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của bậc Cực hỷ cho đến bản tánh của bậc Pháp vân không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân. Vì sao vậy? Vì bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni cho đến bản tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao vậy? Tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là năm loại mắt, sáu phép thần thông. Vì sao vậy? Năm loại mắt, sáu phép thần thông hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao vậy? Mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại sĩ và bản tánh của tám mươi vẻ đẹp không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vì sao vậy? Ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của pháp không quên mất và bản tánh của tánh luôn luôn xả không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Vì sao vậy? Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của trí Nhất thiết, bản tánh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao vậy? Trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của quả Dự lưu cho đến bản tánh của quả Độc giác Bồ-đề không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải là quả Dự lưu cho đến chẳng phải là Độc giác Bồ-đề. Vì sao vậy? Vì quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và bản tánh của quả vị Giác ngộ cao tột của Phật không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật. Vì sao vậy? Vì tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của pháp lành và pháp ác không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải pháp lành và pháp ác. Vì sao vậy? Vì pháp lành và pháp ác hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của pháp hữu ký, bản tánh của pháp vô ký không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải pháp hữu ký và pháp vô ký. Vì sao vậy? Pháp hữu ký và pháp vô ký hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh pháp hữu lậu và pháp vô lậu không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu. Vì sao vậy? Pháp hữu lậu và pháp vô lậu hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của pháp thế gian và bản tánh của pháp xuất thế gian không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì pháp ấy chẳng phải pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Vì sao vậy? Vì pháp thế gian và pháp xuất thế gian hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện, bản tánh của pháp hữu vi và của pháp vô vi không buộc, không mở. Pháp nào có bản tánh không buộc, không mở thì

pháp ấy chẳng phải pháp hữu vi chẳng phải pháp vô vi. Vì sao vậy? Pháp hữu vi và pháp vô vi hoàn toàn vắng lặng.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa tuy các Bồ-tát giảng nói các pháp cho các hữu tình nhưng hoàn toàn vô sở đắc đối với hữu tình và các pháp tánh. Vì sao vậy? Vì các hữu tình và tất cả pháp đều chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào tất cả pháp vô sở đắc, nghĩa là dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không sắc cho đến không thức; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không nhãn xứ cho đến không ý xứ; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không sắc xứ cho đến không pháp xứ; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không nhãn giới cho đến không ý giới; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không sắc giới cho đến không pháp giới; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không nhãn thức giới cho đến ý thức giới; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không nhãn xúc cho đến không ý xúc; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến không cảm giác do nhãn ý làm duyên sinh; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không địa giới cho đến không thức giới; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không nhân duyên cho đến không tăng thượng duyên; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không các pháp do nhân duyên sinh ra; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không vô minh cho đến không lão tử; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến không Bát-nhã ba-la-mật-đa; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; lấy vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; lấy vô sở đắc làm phương tiện để an trụ vào không pháp không bên trong cho đến không pháp không không tánh tự tánh; dùng vô sở đắc làm phương tiện để an trụ vào không chân như cho đến không cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; dùng vô sở đắc làm phương tiện trụ vào không Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; dùng vô sở đắc làm phương tiện trụ vào

không tám Giải thoát cho đến không mười Biến xứ; dùng vô sở đắc làm phương tiện trụ vào không bậc Tịnh quán cho đến không bậc Như Lai; dùng vô sở đắc làm phương tiện trụ vào không bậc Cực hỷ cho đến không bậc Pháp vân; dùng vô sở đắc làm phương tiện trụ vào không tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không năm loại mắt, sáu phép thần thông; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không mười lực của Như Lai cho đến không mười tám pháp Phật bất cộng; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không quả Dự lưu cho đến không Độc giác Bồ-đề; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không của tất cả các hạnh của các Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không pháp thiện pháp ác; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào không pháp hữu ký, pháp vô ký; dùng vô sở đắc làm phương tiện trụ vào không pháp hữu lậu, pháp vô lậu; dùng vô sở đắc làm phương tiện trụ vào không pháp thế gian, pháp xuất thế gian; dùng vô sở đắc làm phương tiện trụ vào không pháp hữu vi, không pháp vô vi.

Thiện Hiện nên biết, sắc cho đến thức không có chỗ trụ, không sắc cho đến không thức cũng không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Sắc cho đến thức không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Không sắc cho đến không thức cũng không tự tánh và chẳng thể nắm bắt được, pháp không tự tánh và chẳng thể nắm bắt được thì chẳng có chỗ trụ. Như vậy cho đến tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát, quả vị Giác ngộ cao tột của Phật không có chỗ trụ, không có tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột cũng không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được, không tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột cũng không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Pháp không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được thì chẳng có chỗ trụ. Pháp thiện, pháp ác không có

chỗ trụ, không pháp thiện, pháp ác cũng không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Pháp thiện, pháp ác không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được, không pháp thiện, pháp ác cũng không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Pháp không tự tánh và chẳng thể nắm bắt được thì chẳng có chỗ trụ. Pháp hữu ký, pháp vô ký cũng không có chỗ trụ, không pháp hữu ký, không pháp vô ký cũng không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Pháp hữu ký, pháp vô ký không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Không pháp hữu ký, pháp vô ký không tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Pháp không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được thì không có chỗ trụ. Pháp hữu lậu và pháp vô lậu không có chỗ trụ. Không pháp hữu lậu, pháp vô lậu cũng không chỗ trụ. Vì sao vậy? Pháp hữu lậu, pháp vô lậu không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Không pháp hữu lậu, pháp vô lậu cũng không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Pháp không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được thì chẳng có chỗ trụ. Pháp thế gian và pháp xuất thế gian không có chỗ trụ. Không pháp thế gian và pháp xuất thế gian cũng không chỗ trụ. Vì sao vậy? Pháp thế gian, pháp xuất thế gian không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Không pháp thế gian, pháp xuất thế gian cũng không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Pháp không tự tánh và chẳng thể nắm bắt được thì chẳng có chỗ trụ. Pháp hữu vi, pháp vô vi không có chỗ trụ. Không pháp hữu vi, pháp vô vi cũng không chỗ trụ. Vì sao vậy? Pháp hữu vi và pháp vô vi không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Không pháp hữu vi và pháp vô vi cũng không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được. Pháp không có tự tánh và chẳng thể nắm bắt được thì chẳng có chỗ trụ.

Thiện Hiện nên biết, chẳng phải pháp không tánh trụ vào pháp không tánh, chẳng phải pháp có tánh trụ vào pháp có tánh, chẳng phải pháp không tánh trụ vào pháp có tánh, chẳng phải pháp có tánh trụ vào pháp không tánh. Chẳng phải pháp tự tánh trụ vào pháp tự tánh, chẳng phải pháp tha tánh trụ vào pháp tha tánh, chẳng phải pháp tự tánh trụ vào pháp tha tánh, chẳng phải pháp tha tánh trụ vào pháp tự tánh. Vì sao vậy? Tất cả pháp này đều chẳng thể nắm bắt được. Pháp chẳng thể nắm bắt được thì trụ nơi nào?

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, các Đại Bồ-tát dùng các pháp không này để tu tập điều khiển các pháp,

cũng có thể như thật giảng dạy hữu tình. Đại Bồ-tát nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy thì không có lầm lỗi đối với chư Phật, Bồ-tát, Độc giác Thanh văn và tất cả Thánh hiền. Vì sao vậy? Vì chư Phật, Bồ-tát, Độc giác, Thanh văn và tất cả Thánh hiền đều có thể giác ngộ tùy theo trình độ đối với pháp tánh này. Sau khi đã giác ngộ, họ giảng giải cho các hữu tình nghe một cách đúng đắn. Tuy giảng nói các pháp cho các hữu tình nghe nhưng họ không lay chuyển không vượt đối với pháp tánh. Vì sao vậy? Thật tánh các pháp tức là chân pháp giới, chân như, thật tế. Pháp giới, chân như, thật tế như vậy đều không lay chuyển và không thể vượt qua. Vì sao vậy? Pháp giới, chân như, thật tế này đều không tự tánh và hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Pháp chẳng thể nắm bắt được thì chẳng thể lay chuyển vượt qua.



## KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

### QUYỂN 471

#### Phẩm 76: CÁC ĐỨC TƯỚNG (4)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu chân pháp giới, chân như, thật tế, không thể vận chuyển, không thể vượt qua thì sắc cho đến thức cùng chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; nhãn xứ cho đến ý xứ cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; sắc xứ cho đến pháp xứ cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; nhãn giới cho đến ý giới cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; sắc giới cho đến pháp giới cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; nhãn thức giới cho đến ý thức giới cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; nhãn xúc cho đến ý xúc cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; địa giới cho đến thức giới cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; nhân duyên cho đến tăng thượng duyên cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; các pháp do nhân duyên sinh ra cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; vô minh cho đến lão tử cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; bốn Tĩnh lực, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; tám Giải thoát cho đến mười Biện xứ cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; năm loại mắt, sáu phép thần thông cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật cùng với



chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; pháp thiện, pháp ác cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; pháp hữu ký, pháp vô ký cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; pháp hữu lậu, pháp vô lậu cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; pháp thế gian, pháp xuất thế gian cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không; pháp hữu vi, pháp vô vi cùng với chân pháp giới, chân như, thật tế có gì khác nhau không?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, sắc cho đến thức không khác với chân pháp giới, chân như, thật tế. Như vậy cho đến tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật không khác chân pháp giới, chân như, thật tế; pháp thiện, pháp ác không khác với chân pháp giới, chân như, thật tế, pháp hữu ký, pháp vô ký không khác với chân pháp giới, chân như, thật tế, pháp hữu lậu, pháp vô lậu không khác với chân pháp giới, chân như, thật tế, pháp thế gian, pháp xuất thế gian không khác với chân pháp giới, chân như, thật tế, pháp hữu vi, pháp vô vi không khác với chân pháp giới, chân như, thật tế.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, nếu các pháp như sắc... không có gì khác với chân pháp giới, chân như, thật tế thì bạch Thế Tôn, vì sao gây nghiệp ác sẽ chịu quả báo ác như là quả địa ngục, bàng sinh, quỷ giới; tạo nghiệp lành thì nhận quả báo lành, nghĩa là sinh vào trời, người, tạo nghiệp vừa lành vừa dữ thì nhận quả báo vừa lành vừa dữ, nghĩa là chiêu cảm một phần bàng sinh, quỷ giới và một phần người, tạo nghiệp chẳng lành chẳng dữ thì có quả báo chẳng lành chẳng dữ, nghĩa là nhận lấy quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề, quả vị Giác ngộ cao tột của Phật.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, Ta dựa theo thế tục mà nói rõ ra nhân quả sai khác như vậy, không phải dựa vào thắng nghĩa vì trong thắng nghĩa không thể nói có sự khác nhau của nhân quả. Vì sao vậy? Trong lý đạo của Thắng nghĩa đế, tánh tướng của các pháp không thể phân biệt, không nói, không chỉ bày thì làm sao có sự khác nhau của nhân quả.

Thiện Hiện nên biết, đối với Thắng nghĩa đế sắc cho đến thức không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; nhãn xứ cho đến ý xứ không sinh, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; sắc xứ cho đến pháp xứ không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; nhãn giới cho đến ý giới không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; sắc giới cho đến pháp giới không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; nhãn thức giới cho đến ý thức giới không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; nhãn xúc cho đến ý xúc không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; địa giới cho đến thức giới không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; nhân duyên cho đến tăng thượng duyên không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; các pháp do nhân duyên sinh ra không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; vô minh cho đến lão tử không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; Bồ thí ba-la-mật-đa cho

đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh vì rốt ráo không, vô biên không; bốn Tịch lục, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; năm loại mắt, sáu phép thần thông không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; pháp thiện, pháp ác không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; pháp hữu ký, pháp vô ký không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; pháp hữu lậu, pháp vô lậu không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; pháp thế gian, pháp xuất thế gian không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không; pháp hữu vi, pháp vô vi không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì rốt ráo không, vô biên không.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu dựa vào thế tục mà bày ra phần vị sai khác nhân quả chứ không nương vào thắng nghĩa thì đáng lẽ tất cả phàm phu ngu si cũng có quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Phàm phu ngu si có giác ngộ như thật nghĩa lý của hai đế thắng nghĩa và thế tục không? Người nào giác ngộ như thật nghĩa lý của hai đế thì người đó cũng đã chứng quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề và quả vị Giác ngộ cao tột của Phật. Nhưng vì các phàm phu ngu si không giác ngộ như thật về thế tục và thắng nghĩa nên không có Thánh đạo, không tu Thánh đạo, không thể tạo ra có các phần vị sai khác của Thánh quả chỉ có các bậc Thánh mới có thể giác ngộ như thật về thế tục và thắng nghĩa nên có Thánh đạo, có tu Thánh đạo do đó có

được sự khác nhau của Thánh quả.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tu Thánh đạo thì được Thánh quả phải không?

Phật bảo:

–Không phải.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, không tu Thánh đạo có chứng đắc Thánh quả không?

Phật bảo:

–Không được. Thiện Hiện, nên biết, chẳng phải tu Thánh đạo có thể chứng đắc Thánh quả cũng chẳng phải không tu Thánh đạo có thể chứng đắc Thánh quả, chẳng phải là Thánh đạo có thể chứng đắc Thánh quả cũng chẳng phải trụ vào Thánh đạo có thể chứng đắc Thánh quả. Vì sao vậy? Đối với Thắng nghĩa đế, đạo và đạo quả, tu và không tu đều chẳng thể nắm bắt được.

Thế nên Thiện Hiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa tuy vì hữu tình mà bày ra các loại sai khác của Thánh quả nhưng các Đại Bồ-tát không phân biệt sự bày ra các phần vị sai khác của Thánh quả ở cảnh giới hữu vi hay cảnh giới vô vi.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu không phân biệt các phần vị sai khác của Thánh quả được bày ra ở cảnh giới hữu vi hoặc cảnh giới vô vi thì vì sao Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói đoạn trừ ba kết thì gọi là quả Dự lưu, giảm bớt tham dục, sân hận thì gọi là quả Nhất lai, đoạn trừ vĩnh viễn năm kết hạ phần gọi là quả Bất hoàn, đoạn trừ vĩnh viễn năm kết thượng phần gọi là quả A-la-hán. Biết các pháp được tập khởi là pháp bị diệt thì gọi là Độc giác Bồ-đề, đoạn trừ vĩnh viễn sự tương tục của tập khí phiền não thì gọi là quả vị Giác ngộ cao tột của Phật.

Bạch Thế Tôn, làm sao con biết được nghĩa lý sâu xa mà Phật dạy, nghĩa là không phân biệt phần vị sai khác của Thánh quả được bày ra ở cảnh giới hữu vi hoặc cảnh giới vô vi?

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề và quả vị Giác ngộ cao tột Thánh quả như vậy là hữu vi hay là vô vi?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, Thánh quả như vậy chỉ là vô vi.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, trong pháp vô vi có phân biệt không?

Thiện Hiện đáp:

–Không, thưa Thế Tôn.

Phật bảo:

–Này Thiện Hiện, ý ông nghĩ sao? Nếu thiện nam, thiện nữ... thông đạt tất cả hữu vi, vô vi đều đồng một tướng được gọi là không tướng thì lúc bấy giờ, đối với các pháp, vị ấy có phân biệt đây là hữu vi hoặc đây là vô vi không?

Thiện Hiện đáp:

–Không, thưa Thế Tôn.

Phật bảo:

–Thiện Hiện, cũng như vậy, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa tuy giảng nói chánh pháp cho các hữu tình nhưng các Đại Bồ-tát không phân biệt pháp tướng đã

nói, đó là do pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh. Đại Bồ-tát này không chấp trước đối với các pháp cũng có thể dạy người khác không chấp trước đối với các pháp. Nghĩa là không chấp trước đối với Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; không chấp trước đối với bốn Tịch lục, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; cũng không chấp trước đối với bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; không chấp trước đối với pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyên; không chấp trước đối với pháp không bên trong cho đến pháp không không tánh tự tánh; không chấp trước đối với chân như cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng không chấp trước đối với Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; không chấp trước đối với tám Giải thoát cho đến mười Biến xứ; cũng không chấp trước bậc Cực hỷ cho đến bậc Pháp vân; không chấp trước đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng không chấp trước đối với năm loại mắt, sáu phép thần thông; không chấp trước đối với mười lực của Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng không chấp trước đối với pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; không chấp trước đối với trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng không chấp trước đối với tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát; không chấp trước đối với quả vị Giác ngộ cao tột của Phật; cũng không chấp trước đối với trí Nhất thiết trí. Do Đại Bồ-tát này không chấp trước nên được vô ngại đối với mọi nơi; giống như người do các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biến hóa ra, tuy hành Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa nhưng không thọ nhận, không an trú đối với quả báo của việc ấy chỉ vì hữu tình mà nhập Niết-bàn; như vậy cho đến tuy thực hành trí Nhất thiết trí nhưng không thọ nhận, không an trú đối với kết quả của việc ấy chỉ vì hữu tình mà nhập Niết-bàn; cũng giống như vậy, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa các Đại Bồ-tát hoàn toàn không chấp trước, cũng không bị ngăn ngại đối với tất cả pháp hoặc thiện, hoặc ác, hoặc hữu ký, hoặc vô ký, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu vi, hoặc vô vi. Vì sao vậy? Vì hoàn toàn thông suốt tướng chân thật của các pháp.

M